



NĂM THỨ HAI ■ TUẦN BÁO VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM ■ 25 Đ.

Khởi Hành

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT:
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

THƯ KÝ, TÒA SOẠN:
VIÊN LINH

BẮT ĐẦU TỪ SỐ NÀY :

SƠ THẢO 15 NĂM VĂN XUÔI MIỀN NAM



LÊ HUY OANH ■ NG. HỮU HIỆU
■ NG. NHẬT DUẬT ■ CAO HUY
KHANH ■ VIÊN LINH :

MỖI TUẦN
MỘT KHUÔN MẶT
VĂN CHƯƠNG

VIÊN LINH VIẾT VỀ

DƯƠNG

NGHIÊM

MẬU



ANH VIỆT : THƯƠNG XÁC VỚI LÒ RẮNG

74

thứ năm
8-10-70
25 đồng



ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

VĂN CHƯƠNG BẤT LỰC ?

Ký giả Lô Răng trong một bài Tạp ghi đăng nơi báo Tiền Tuyến có thở than «Người đã yếu — ngôn ngữ lại còn yếu hơn nên đó là cái nhảm của người, cái bất lực của văn chương vậy».

Tại sao anh Lô Răng (anh cho phép chúng tôi gọi tên văn nghệ của anh) lại có giọng yếm thế — giận dỗi vậy. Trước đây anh Lô Răng phụ trách thường xuyên mục «Người và Vật» của Khởi Hành — anh đã gây được nhiều cảm tình với độc giả các giới, cũng như đối với riêng tôi hằng ái mộ anh với giọng văn trách đời di dôm.

Bằng đi một dạo, không thấy anh đưa bài cho tòa soạn Khởi Hành mà cũng biệt tăm hơi, có người bảo anh đi tây học ở Mỹ quốc, có kẻ bảo gặp anh trên núi Thất Sơn luyện chương, cuộc bùa (bùa yêu?) — có người xăn miệng tung tin anh gác bút giữa từ văn chương chữ nghĩa để đi làm... chán trí. Có một hôm tôi gặp chàng tươi cười vui vẻ trong bộ «xi vin» ở Tổng Cục CTCT — hỏi ra mới biết người vừa được thăng cấp hai hoa mai bạc và hứa hẹn với tôi đủ điều rằng sẽ viết lại mục «Người và Vật» cho Khởi Hành với điều kiện phải tăng thêm phần nhuận bút. Tôi bèn tả oán rằng Hội nghèo — báo đói lắm, tuy nhiên cũng sẽ... cố gắng. Thế rồi thắm thoát cũng được gặp một con trắng tròn, mà bài vở của người vẫn chẳng thấy tăm hơi... và hôm nay, chợt đọc được «Thư gửi người nữ độc giả đầu tiên» của ký giả Lô Răng nhà ta, drom mũi «thất chí» tôi bèn tức khí nhả gửi đôi giọng cùng chàng ký giả chuyên môn cọt đùa thế sự.

Lời rằng: nhân thế bao la sâu, Hơi dàu mà than với thổ ! Người làm văn nghệ bao giờ cũng cô đơn, Cái sự cô đơn đó thường làm cho họ hăng hái xây dựng và làm khi cũng làm cho họ nản chí, nhất là thời buổi này mà đơn thương độc mã làm chuyện lấp biển và trời thì quả thật là một sự mạo hiểm. Văn chương của anh không làm cảm như anh tưởng, nhưng anh luận bàn cái làm cảm của thiên hạ nên hóa ra người đời cho rằng anh làm cảm, vì chuyện thế sự nói mãi cũng không hết và cũng không cái hóa được ai ! Văn chương không bất lực như Hà Chương môn nghĩ mà tại con người tại ngơ giả điếc, ừ lý quá cho nên dù Văn chương có uy lực dũng mãnh cũng khó lay chuyển lòng người đảo điên. Còn luận về cái «Yếu của con người» thì cuộc đời văn cầu này nào biết được ai yếu ai mạnh hơn ai ! mà so đo cái yếu với cái mạnh để làm gì. — Giữa xã hội phân hóa đến tột độ này, giá trị con người bị đảo lộn từ lâu, sĩ khí của kẻ thức thời bị đánh giá rẻ mạt.

Cái mạnh bây giờ là cái mạnh của thể lực, của tiền tài của cái dám ăn to nói phét — chữ vung vít lên rồi cái chính xin lỗi.vv... Xét rằng cái mạnh của thể xác anh không thua ai, còn cái mạnh về Văn chương chữ nghĩa thì kẻ ra anh cũng «một cây đầu hót vang lưng bổng bề !» Thế sao anh lại bảo là «yếu» — Tôi cho đó cũng là một cái ảo tưởng, giống như quả bóng ảo tưởng bị mũi kim «Thưa bác» của người em gái nào đó đã chích bẹp đi lại (sic).

Tôi cho rằng cuộc đời hôm nay nó xoay vần nhanh chóng lắm — khó phân biệt được ai hơn ai kém.

Duy có một điều «biết người biết ta» là hơn. Nên nói những gì phải nói vào đúng lúc «có thể» nói được, và văn chương vẫn là lợi khí sắc bén để giết giặc mà cũng vừa để cảm hóa con người — lợi của con người thì cuộc đời văn ngày thăng.

Văn chương ru ta sống giấc mơ đẹp — văn chương cũng có thể thức tỉnh chúng ta dậy để xây dựng một thể hệ hùng mạnh vĩnh cửu. Văn chương không bất lực — mà chính người làm cho văn chương «chết ngệt».

Người không yếu nhưng chính xã hội ta ngày nay không kết hợp người trong thế mạnh.

Văn chương bao la thâm thúy, gói ghém trọn vẹn ý người nhưng khổ nỗi người lại không được phép nói hết ý của mình ! Có phải thế không anh Lô Răng ? ▲

DƯƠNG TRƯ LA



BẮT TAY BẠN ĐƯỜNG

Chuẩn bị rất lâu, bí mật cũng giữ, hôm nay mới chịu xi ra cho bạn bè biết, đó là bạn đường của Khởi Hành : tuần báo ĐỜI Nay, «tuần báo của những sinh hoạt mới» do nhóm Thời Nay chủ trương.

Kể về tuổi làng trong hệ phái tạp chí thì ĐỜI Nay đã thuộc về hàng lão tiền bối rồi. Sống rất vững, tổ chức tòa soạn thật xôm tụ, hiếm có một tòa soạn tạp chí ở VN nào được như Thời Nay.

Giờ lại đến phiên ĐỜI Nay bước vào hệ phái tuần báo, một đáng ngại cho những tuần báo bé mọn, một vui mừng cho bạn đọc khó tính... Riêng Khởi Hành xin bắt tay chào mừng bạn đường thân mến ĐỜI Nay và chúc bạn tiến mạnh, tiến ào ào trên ngôn đàn...

NHÀ TRÍ ĐĂNG LẠI CHO RA SÁCH

Góp mặt sau hết trong làng, vậy mà nhà Trí Đăng coi bộ hoạt động mạnh; mới đây lại cho ra một lúc 2 cuốn sách coi về lượng đã thấy khá dày, cuốn Thành Cát Tư Hãn của Nguyễn trọng Khanh, dày trên 200 trang. Kể lại «cuộc đời ngoại hạng của vị chúa Mông Cổ», mà trước kia «cả thế giới đều coi Thành Cát Tư Hãn như là một đại họa giáng xuống nhân loại» nhưng sau này các sử gia phải nhận rằng «Ông thật sự có những đức tánh cần bản của một nhà lãnh đạo».

Cuốn thứ hai của nhà Trí Đăng là Sơn Lâm Êm Dềm, Nguyễn trọng Đạt dịch Les Cosaques của Léon Tolstoi : «Có thể coi là áng văn tự thuật của tác giả về chính cuộc đời mình vì nếu đem đối chiếu với «nhật ký» của tác giả, có rất nhiều đoạn trùng hợp nhau.» Quyển này dày gần 400 trang. Ghê quá ; phục Trí Đăng thật chứ không chơi.

THƠ QUỐC NAM

«Tinh cá linh Alfa đỏ tập 2» của Quốc Nam mang tên là «Người Vào Cuộc Chiến» do Hưng Việt Xuất bản, bìa do Anh Khoa Lê thành Khởi trình bày, in Romeo rất đẹp, sáng sủa, «ngày nào khi chọn theo ngõ đường binh nghiệp; anh ngược mắt nhìn trời trên dốc Lâm Viên, màu Alfa đỏ rực hồng lên áo, Anh yêu trường mẹ, nơi đã cư mang con hai năm ròng rã, rồi con trưởng thành vào cuộc chiến đau thương».

Ngoài làm Thơ, Quốc Nam còn là một nhà báo hoạt động rất hăng, kể cũng tài, thường thường những người làm báo ít khi làm thơ văn... Quốc Nam lại khác

THOẠI NGUYỄN — NGUYỄN

SUỐI BÙN REO

— MỈ TIẾN

Hai mươi một năm trước đây có 1 chàng lấy một nàng. Chàng là Ngu Í, nàng là Thoại Nguyễn. Họat động văn nghệ của cặp này thời khởi phát nó, như là «khi người diên nhớ lại» Ngu Í xách bút xông vào làng thì phải biết...

Đề kỷ niệm cuộc tình duyên 21 năm ấy, Nhà Trí Đăng đã bằng lòng xuất bản một tác phẩm chung của hai người, đó là cuốn «Suối bùn reo» Nữ sĩ Tùng Long, người đã biết Thoại Nguyễn Ngu Í từ buổi sắp cưới nhau làm «mẹ đỡ đầu» cho đứa con tinh thần này.

Một tác phẩm phải hẳn là hiếm có trong làng văn Việt Nam.

Đó là về phía bạn hữu, phía văn học nghệ thuật còn về phía cấp uyên ương Ngu Í — Thoại Nguyễn thì làm gì ? Cũng đề kỷ niệm 21 «chung sống», anh chị đã tự đứng ra điều khiển 1 trường mẫu giáo mang tên Mỉ Tiến tại số 102-104-B đường Nguyễn Trãi (Bàu Sen) xin quảng cáo không ăn tiền trường Mẫu giáo Mỉ Tiến với bạn đọc, như là các bạn văn nghệ sĩ.

TRƯỜNG HỢP NGUYỄN PHỤNG TẮM GƯƠNG CHO NGƯỜI NGHỆ SĨ LÀM CÔNG CHỨC

Quốc vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa Mai Thọ Truyền vừa lên tiếng cho hay việc giải nhiệm Ông Nguyễn Phụng, Giám Đốc Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ là một «vấn đề nội bộ và hoàn toàn thuộc lý do kỷ luật» Ông còn hầm là đúng lý phải cắt chức chứ không phải chỉ giải nhiệm, làm vậy là gì ông muốn tránh «tai tiếng». (!?)

Phải quấy về ai chưa biết, chỉ biết cái thân nghệ sĩ phải làm việc với mấy ông công chức quá nặng, thật là khổ. Hơi động đến là họ đem «thuận vàng thước ngọc» của cái Hành chánh mấy mươi đời để lên đầu lên cổ !

Trường hợp Nguyễn Phụng cũng đáng cho ta suy gẫm.

PHÒNG TRANH HÀ CẨM TÂM

Họa sĩ Hà Cẩm Tâm trưng bày họa phẩm từ ngày 2 đến 11-10-1970 tại Pháp Văn Đồng Minh Hội, số 24 đường Gia Long Saigon.

Lễ khai mạc diễn ra hồi 18 giờ 30 ngày 2-10 và sau đó, phòng tranh sẽ mở cửa từ 9 đến 12 giờ 30 buổi sáng và từ 16 đến 19 giờ buổi chiều mỗi ngày.

Hà Cẩm Tâm vốn là một nhà giáo, nhưng anh lại hoạt động về hội họa coi mỗi mạnh hơn. Không hiểu rồi, có một hôm nào đó, họa sĩ nhà ta có cao hứng mà bỏ nghề «gõ đầu tre» không ? Chắc không vì còn kẹt «đáng sanh ra ra các con tôi» phải không họa sĩ, thân mến ?

3 THIẾU NHI VN ĐOẠT GIẢI HỘI HỌA THIẾU NHI QUỐC TẾ

Ba thiếu nhi Việt Nam mới đây đã được Ban Tổ Chức Giải thưởng Văn nghệ Thiếu nhi Quốc tế Ấn Độ năm 1969 tuyên bố trúng giải vẽ hội họa. <https://tieulun.hopto.org>

Đó là các em Võ Thanh Hoài (10 tuổi) học sinh trường Lason Taberd Saigon; Nguyễn thị Mỹ Dung, (14 tuổi) học sinh trường Trung học Kiến Thiết Saigon và Trần Đại Thanh Ngọc (14 tuổi) học sinh trường Nguyễn Tri Phương, Huế.

Được biết có 185.000 tác phẩm văn chương và hội họa của Thiếu nhi 90 quốc gia tham dự trong năm 1969, và kết quả 411 trẻ em trúng giải về hội họa và 32 về văn chương.

GÓT SEN KHÊ ĐỘNG THIỆU LẠNH NÊN KHÔNG ĐỘNG

Kịch phẩm "Gót Sen Khê Động" của Nguyễn Thanh Cầm trong chương trình "Huyền Thoại Dân Tộc" do anh chủ trương, nghe đầu đã thu hình được ba phần tư rồi, chỉ còn một phần tư nữa thì bị ngưng lại, vì hệ thống máy lạnh của đài THVN bị hư bất tử. Mấy ngày gần đây thấy Nguyễn Thanh Cầm mặt mũi có vẻ méo mó. Hỏi ra mới biết mấy lần thu nốt nhưng bị hoãn, tiền hết, chi phí vượt khỏi mức thù lao nên túi anh bị rỗng tuếch. Tuy nhiên, anh vẫn còn hăng tiết vịt lắm. Theo anh, nếu hệ thống máy lạnh trở lại bình thường, "Gót Sen Khê Động" sẽ được thu hình nốt vào chiều thứ bảy (3-10-1970) và sẽ được ra mắt bà con cô bác nội trong tuần lễ từ 5 đến 12-10-1970. Khởi Hành chúc người chủ trương đạt thành quả tốt đẹp trong chiều hướng phục vụ Văn học nghệ thuật dân tộc.

Cũng xin ghi, kịch phẩm "Gót Sen Khê Động" là kịch phẩm thứ hai trong chương trình Huyền Thoại Dân Tộc do Nguyễn Thanh Cầm chủ trương.



ĐẶNG TRẦN HUÂN

KHOÀI CÒN LO CHIẾN TRANH

Nhà văn Erich Maria Remarque đã từ trần hôm 25-9-70 và tang lễ cử hành tại Rouco, Thụy Sĩ. Hai tác phẩm chính của ông là "All quiet on the Western Front" (Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh) và "A Time to love, and a time to die" (Một thời để yêu và một thời để chết) đã làm ông từng danh thế giới. Cả hai cuốn tiểu thuyết nói trên đều lấy đề tài là cuộc thế chiến 1 và nội dung đã phá chiến tranh rất tế nhị.

Remarque qua đời vì bệnh tim tại bệnh viện Locarno, hưởng thọ 72 tuổi.

Đám tang của ông đã được tổ chức rất đơn giản, với sự hiện diện của 1 ít bạn bè và bà vợ ông, nguyên nữ tước Paulette Goddard.

Erich Maria Remarque sanh tại Đức quốc, nhưng nay mang quốc tịch Hoa kỳ. Ông ra chào đời tại Osnabrueck năm 1898, ông từng tham dự trận đại chiến thứ nhất, và sau đó hành nghề giáo sư, tay đua xe hơi, biên tập viên thể thao, phê bình gia kịch nghệ.

Ông đã làm lễ thành hôn với nữ tước Paulette Goddard hồi năm 1957.

CÔNG NHÂN



HIỆN TƯỢNG GÌ ĐÂY ???

Được dân đầy tới chuồng cu
Trăm ngàn tháng tháng, lu bù khoái ghê
Xuất dương du hí phủ phê
Mấy ông lại tính trở nghề gian thương

NÓI

Thằng dân thật đại
Đã cử làm quán ăn hại, điểm dàng

Suốt nhiệm kỳ ngang dọc, dọc ngang

Chẳng ngờ tôi một làng hay nửa ấp

Ông kia mới giở trò xơi cấp

Đặng nọ bèn rình lịch ở trường

Thấy ngon ăn, bỏ Chủ Tịch cũng quăng chuồng

Lo xuất ngoại, kiếm đường cho ai thiệp....

Nấp uy danh, buồn bốn thùng Si Líp.

Có ngờ đầu chưa kịp chuyển ra xe

Mấy ông đoàn đã đỡ nhẹ mang về

Mặc các báo lảng xê tin tươi sươi

Hết chuyện khôi hài đôi đũa đượi

Đến trò bỉ ổi lũ lam nham

Bác Chính kia buồn lậu bạc Năm Trăm

Nhóm Công Đức mạnh tâm theo nghịch tặc

Còn quai mõm phân ly Nam, Trung, Bắc

Bỏ "Mà Tà"... sao để mặc chúng pháy pháy

Công quyền hay đám bài tây.....

CUỐN TIỂU THUYẾT THỨ 80 CỦA AGATHA CHRISTIE

Nữ sĩ chuyên viết tiểu thuyết trinh thám vừa tổ chức ngày sinh nhật năm bà 80 tuổi tại nhà riêng ở Berkshire, Anh Cát Lợi. Bà mới rất nhiều kỷ giã tới dự ngày vui về này. Tuy đã bát tuần nhưng Agatha Christie còn khỏe lắm. Bà hỏi đùa các kỷ giã:

— Tôi sống dai quá phải không các bạn ?

Cũng nhân dịp kỷ niệm sinh nhật lần thứ 80 này bà phát hành luôn cuốn sách thứ 80 của bà nhan đề Passenger to Frankfurt (Người khách đi Francfort). Agatha Christie nói rằng mới đầu bà cho đề tài của cuốn sách có vẻ vô lý khi tả những cuộc cướp máy bay tàn bạo. Nhưng bây giờ thì bà thấy sự thực và tưởng tượng không còn xa nhau khi những vụ cướp máy bay tàn bạo liên tiếp xảy ra ở Jordanie.

CUỘC ĐỜI NHÀ VĂN JEAN COCTEAU

Jean Cocteau không phải nổi tiếng vì viết văn, làm thơ hoặc vì là một ông Hàn trong Hàn Lâm Viện Pháp.

(Cái viện này có làm cho ai nổi tiếng nhờ nó đâu ?). Ông nổi tiếng vì nhiều tài, nhiều nghề quá.

Chính Jean Cocteau đã tự ví mình như một con chim, nên có lúc ký là Jean l'Oiseleur. Là một tiểu thuyết gia ông được đời biết tới do những cuốn Les parents terribles, Thomas l'imposteur, Les enfants terribles, la Machine Infernale, v.v...

Ông làm thơ hay. Ông vẽ giỏi. Ông viết kịch nữa. Ngoài những nghề trên Jean Cocteau còn làm điện ảnh, soạn các điệu vũ.

Về hội họa, Jean Cocteau vẽ cả bích chương đồ gốm, thảm, cà vạt, vẽ đĩa sứ, kim hoàn v.v...

Tóm lại Jean Cocteau là một người đa tài. Con người đa tài như thế đáng được kể lại cuộc đời trên sách vở cho người đời coi chung.

Thế nên, tháng qua hai cuốn sách nói về Cocteau đã được phát hành tại Mỹ.

Cuốn thứ nhất mang tên Professional Secrets (Bí quyết nghề nghiệp) là một tự truyện của Jean Cocteau do Robert Phelps, biên soạn Richard Howard dịch sang Anh ngữ. Sách dày 330 trang, giá bán 8,50 đô la do Farrar, Straus và Giroux xuất bản.

Cuốn thứ hai mang tên Cocteau do Francis Steegmuller viết, Atlantic Little, Brown xuất bản. Sách dày 582 trang, giá bán 12,50 đô la.

ROOSEVELT, CHIẾN SĨ CỦA TỰ DO

Roosevelt : the soldier of freedom (Roosevelt, chiến sĩ của tự do) dày trên 700 trang do James Mac Gregor Burns soạn. Harcourt Brace Javanovich xuất bản, bán 10 Mỹ kim.

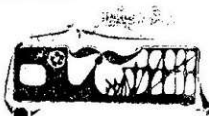
Thực ra Roosevelt, chiến sĩ của tự do chỉ là cuốn thứ hai của bộ sách nói về vị anh hùng Hiệp Chúng Quốc.

Cuốn thứ nhất, Roosevelt: the Lion and the Fox (Roosevelt: con sư tử và con chồn) xuất bản cách đây 14 năm.

Cả hai cuốn viết đầy đủ về cái tốt, cái xấu cuộc đời chính trị cũng như cuộc đời riêng của Roosevelt.

Do hai cuốn sách nói trên người ta được biết phi công Charles A. Lindbergh là một trong số những người mà Roosevelt ghét nhất, không phải ông ghét ghen phi công tài ba này vì thành tích vượt biên đầu tiên của phi công mà vì phi công Lindbergh vào năm 1941 đã dám tuyên bố mặt trái sự tin tưởng của Roosevelt.

Lindbergh nói: "Tôi không tin là chúng ta đủ mãnh lực mang lối sống của chúng ta để gây ảnh hưởng tới Âu và Á Châu"



Roosevelt bất đồng ý với Lindbergh vì câu nói đó. Tiếc thay, tới bây giờ câu nói của nhà phi công lại gần sự thực, hơn là sự tin tưởng của nhà chính trị.



SÁCH BÁO MỚI

KHUNG TRỜI NHỎ HẸP.—

Đỗ Khánh Hoan và Phạm Quốc Dzũng dịch The Narrow Corner của W.S. Maugham, An Tiêm xb. dày 300 tr, giá 260 đ. Bìa của họa sĩ Ngọc Dũng.

Một trong những truyện hay của Maugham qua bản Việt Ngữ phong phú và nhẹ nhàng của dịch giả, mà G.S Đỗ Khánh Hoan, một người được coi là rất thấu suốt nền Văn chương Anh, và rất thành công trong các công trình dịch thuật của ông (như đã dịch Thor Tagare).

VÀNG BAY.— Thơ A Khuê, Tác giả xb, 40 tr 100 đ.

VĂN NGHỆ ĐÀN TAY.— Kỷ niệm đệ I chu niên. Ronéo

GIẾT LỆ CHO TÌNH TA.— Phạm Duy, Chân Mây xb. bìa Hồ Thành Đức — 16 ca khúc, 200 đ.

THÀNH CÁT TƯ HẤN.— Của Nguyễn Trọng Khanh, Tri Đăng xb. Dày 204 tr. giá 210 đ. bìa offset của Anh Thương.

Cuốn biên khảo lịch sử tiểu thuyết hóa rất đáng đọc.

VÙNG TỐI ĐẦY.— Tiểu Thuyết của Hà Huyền Chi. Chiêu Dương xb, dày 150 tr. giá 150 đ.

Tác phẩm thứ tư của nhà văn Quân Đới sáng tác hăng hái nhất hiện nay

THẦN THOẠI VIỆT NAM — TRUNG HOA.— Tuyển tập văn chương nhi đồng do Đoàn Quốc Sỹ sưu tập và dịch thuật. Dày 168 tr.

Cuốn thứ ba trong tuyển tập Văn Chương Nhi Đồng Thế giới. Một tài liệu, một tác phẩm quý giá cần có trong mọi tủ sách, nhất là các tủ sách gia đình và học đường.

BÓNG TỐI ĐI QUA.— Hồi ký của một SV đã sống nhiều ngày trong Bộ Chỉ Huy tối cao của MTGPMN, cuốn II, 270 tr, giá 250đ.

MỖI TUẦN MỘT KHUÔN MẶT VĂN CHƯƠNG

Song song với bài Sơ Thảo 15 Năm Văn Chương Miền Nam, đang tải từng kỳ, mỗi số KH còn gửi đến bạn đọc loạt bài Mỗi tuần Một Khuôn Mặt Văn Chương. Loạt bài này sẽ do năm tác giả Lê Huy Oanh, Nguyễn Hữu Hiệu, Nguyễn Nhật Duật, Cao Huy Khanh và Viên Linh thực hiện. Tuần này, Viên Linh viết về Dương Nghiễm Mậu. Cùng với bài viết, mỗi tuần họa sĩ Nguyễn Hải Chi sẽ vẽ chân dung người viết và người được viết. Tuần sau, tiếp tục loạt bài, anh Nguyễn Nhật Duật sẽ viết về nhà văn Mai Thảo.

VIÊN LINH



viết về



DƯƠNG
NGHIÊM MẬU

MƯỜI bốn tác phẩm trong tám năm, phần lớn là truyện ngắn, Dương Nghiễm Mậu là một tác giả bị ám ảnh bởi những biến động xã hội có tầm vóc Lịch Sử; người viết về những tan nát của và chạm mầu thuẫn, những xô đẩy của dòng lực; đối nghịch, kẻ bạo động thất bại trao gửi hoài bão nơi bút mực nhưng là kẻ bạo động cô đơn giữa đêm tối, nhìn thấy trước mắt sẽ đổ vỡ. Nhưng nhất định đó là kẻ bạo động, kháng kháng tin tưởng ở sức mạnh, thêm khát tàn phá và đổ vỡ. Biến động, ở đó phải có Dương Nghiễm Mậu, hiện diện bằng cách này hay cách khác. Anh không mỗ tả đến tận cùng cái xao xuyến tri thức. Trẻ tuổi, trước những biến động đó anh vùng vẫy, gào thét, thúc đẩy, nguyên rủa hay kết tội. Trên bề mặt của các vận động đang diễn ra, đang tiến tới; có Dương Nghiễm Mậu. Ở hàng đầu. Lịch Sử, Xã Hội, với những vận mạng bất trắc, những cơ cấu tan rã, những chuyển động buông rời của khoảng trống hay ở đây tầng bi ẩn như nỗi, chính những nơi đó là bối cảnh của nhà văn trẻ tuổi này. *Hương ơi! người ta đã đếm hết những sợi tóc trên đầu chúng ta chưa? Mắt em còn mở lớn cho anh soi thấy mặt anh và khuôn mặt đó vừa gây vụn.* Đây là những giọng cuối cùng của truyện ngắn *Tiếng Động Trên Da Thủ (Cũng Đành)*. Vỡ vụn, đó là nhan sắc của Mậu. Vỡ vụn, vừa vỡ vụn, như những mảnh gương. Bộ mặt, sau tấm kính đời mỗi to gọng, tự tin, nhưng lần tránh đám đông. Mái tóc cắt ngắn, hầu như không bao giờ chải bóng, nước da xám, cái cười như là đồng lõa, như là chế nhạo, Dương Nghiễm Mậu ở thật gần người đối diện lúc đó—nhưng sau đó, khuất mặt, xa lạ và mất hút. Sự hiện diện của anh trong tác phẩm, sôi nổi tâm huyết và nồng nàn nhiệt tình (lần hoài nghi thường trực). Mười bốn tác phẩm đã được in nhiều cuốn đã bán hết, kể từ *Cũng Đành* (Văn nghệ, 1963) tới *Quê Người* (Văn Xã, 70) vẫn tiếng nói liên miên, vẫn lời kể bất tận, nhưng trầm lắng hơn so với thời gian, Dương Nghiễm Mậu từng là nhà văn số một của tuổi trẻ (1).

Gào thét, phấn đấu, DNM hiện diện tràn đầy trong sinh hoạt một người không ngừng thao thức hy vọng, những hy vọng hủy hoại và cải tạo. Cái chán chường của tác giả *Cũng Đành* là cái chán chường chấp nhận địa ngục có thật, cái xấu đầy rẫy, nhưng đã lên tiếng về cái chán chường ấy, không phải ôm lấy nó rút vào góc kín của kẻ chịu trận, khuất phục và đào thoát. Tra xét nội dung những tác phẩm của anh, đó là một hồ sơ Việt Nam—vội đầy đủ những góc cạnh đời sống, bối cảnh thực tế—tâm tư kín trùm những vấn đề nhân sinh, những hệ lụy đời này. Việt Nam, 19....

2

LIÊN kết những tác phẩm lớn nhỏ của Dương Nghiễm Mậu, đó là một tuyên ngôn thời đại đầy đủ, được viết vừa bởi một nhà văn, vừa bởi một người trẻ tuổi muốn làm việc tốt đẹp, vừa bởi một nhà luân lý, vừa bởi một công dân của một xứ sở biến loạn. Văn chương đối với anh không hoàn toàn là văn chương, không chỉ có ám ảnh chữ nghĩa, ngôn từ. Viết là viết về một cái gì, cái đó, đối tượng của DNM, không hoàn toàn là đối tượng của một nhà văn, mà của một con người với những toan tính hay ràng buộc nóng bỏng. Con người đó sống giữa những toan tính và ràng buộc khác nữa của người bên cạnh. Trong khía cạnh này, DNM là một nhà luân lý, có thể còn là một nhà luân lý tích cực nữa.

(1) Theo kết quả cuộc phỏng vấn của tuần báo Nghệ Thuật, 1966.

VĂN chương, trong lúc thiếu thời, giúp ta đời cánh thần diệu để bay xa muốn tròng, tới cõi biếc của mơ mộng. Tưởng như chữ nghĩa giúp cho thân nhẹ gạn hết tục lụy nặng nề, tưởng như chữ nghĩa là ở trên đời sống. Đầu cổ hay, những năm trôi qua, chữ nghĩa đưa ta về đời sống, trong lúc ta lơ lửng, mù mịt. Văn chương, trong lúc thiếu thời, xây dựng thế giới bằng ảo tưởng, với mảnh lực tuyệt vời. Chính ngày đó, với mơ ước thiếu thời, đó, ở Hà Nội, tôi đã gặp Mậu. Hình như là năm 1953. Lúc này chúng tôi đang học những năm đầu bậc Trung Học. Mậu học trên tôi hai lớp. Văn chương lúc đó rất nghĩa lý. Văn chương lúc đó cao đẹp vô cùng.

Tôi còn nhớ đó là Mùa Hạ, phượng vĩ đỏ rực con đường tôi đạp xe tới nơi họp mặt. Ve kêu ran trên đầu, trong nắng vàng, bầu trời trong vắt. Mây trắng như bông. Hà nội đó, kinh thành của ước mơ, ước mơ đã mất. Chính ở đó đã thành hình tâm thần rực rỡ của tôi, sau này đã cuốn lại, và khi mở ra, chúng tôi đã ở Saigon. Nhưng lần thứ hai chúng tôi gặp nhau, là ngót mười năm sau lần thứ nhất. Lúc đó, khoảng 1960, 61, Đàm Trường Viên kiến của nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh đang hồi cực thịnh, chúng tôi qui tụ trên tờ *Văn Nghệ*, tờ tạp chí hàng tháng do anh Lý Hoàng Phong làm chủ nhiệm, Mậu trông coi thực hiện, phần bài vở cũng như phần trị sự, in và phát hành.

Tờ báo, cho tới nay, được coi là một thành công, nhưng lúc sinh thời không được sôi nổi lắm. Lúc ấy cái bóng của *Sáng tạo* quá lớn, quá ồn ào, chúng tôi chỉ hiện diện lặng lẽ, nhưng nhẫn nại. Cho tới nay, điểm nổi bật nhất của *Văn Nghệ* là cái sinh khí thanh niên của nhóm. Chúng tôi, trừ chủ nhiệm, chưa ai tới 25 tuổi. Mười năm đã qua, *Văn Nghệ*, mỗi khi nhìn lại, còn rực rỡ sinh khí, rực rỡ đời sống. Đời sống rất thô, rất hoạt, đời sống nồng nàn, khỏe mạnh. Và đó là công trình của DNM, trong tập thể.

4

NHÂN vật DNM cực cần, ưa thuyết lý, lên tiếng một mình trong đêm tối hay trong một hoạt cảnh xã hội bi hài. Đó là những nhân vật đàn ông, những kẻ kẹt trong chiến tranh, sau sự sụp đổ của thế hệ trước. Đàn bà thường là hình bóng chịu đựng (gia đình) như trong *Đêm Tóc Rối*, lại là một sa đọa bị khinh miệt.

DNM là một trong những nhà văn luôn luôn bày tỏ một thái độ chính trị rõ ràng, mà không đứng trong nhóm này, hay trong đoàn thể khác. Nhân vật của Mậu cũng hằng phát biểu những thái độ chính trị như tác giả. Trực tiếp hay gián tiếp anh không ngừng lên tiếng về xã hội, qua những chất liệu và cái nhìn hiện thực. (Những ngày đầu ở Hanoi, và ở Saigon, Mậu làm thơ, song đó không phải là một tâm hồn lãng mạn). DNM là một nhà văn xã hội, cực hữu.

5

Một đoạn văn của DNM, trích trong *Phấn Đấu*.

Một thực tế đau xót, một sự thực phũ phàng mình và nhiều người đã không dám đối diện với chính mình như một soi sáng mình bạch, cần thiết, nghi ngờ chính mình. Tự hỏi:

Trong tám năm nay người cầm bút—những người cầm bút tự nhận là chiến sĩ cách mạng—đã làm gì?

(Xem tiếp trang 16)

<https://tieulun.hopto.org>

ĐÊM VÀ NHỮNG NGƯỜI CÒN Ở LẠI

NHƯ HẦU hết những hôm kia, buổi chiều nắng đang vàng hanh chợt ngã sang sấm ủa, tiếng dông rầm rần khắp trời, rồi mưa đến, mưa rồi xả cường nộ bít ngợp cả không gian, 4 giờ mưa đến, 5 giờ bắt đầu nhẹ dần cho đến khi nắng trở lại, tạnh hẳn. Và hôm qua đặc biệt hơn, cũng 4 giờ chiều mưa đến, rồi dai dẳng kéo đến tối, dài suốt đêm. Bữa cơm tối xong trở về, tôi mặc thêm cái áo len ra đứng trước lan can với Thư ngó xuống con đường trống lạnh phía dưới, mặt nhựa ướt sáng những tàng cây tối tăm, những bóng đèn thưa thớt yếu mờ, bãi đất rộng hoang quanh bên kia đường và cơn mưa trắng đục trên thị trấn. Thư nói tới chuyện đi vào sớm mai : 5 giờ 30 xe lại đón, cỡ 1 giờ chiều có mặt ở Saigon, năm lại Saigon chừng hai ngày là lên tàu ra Đà Nẵng, chắc buồn. Mẩu chuyện cắt khoảng từng câu ngắn rồi và tiếng gõ mệnh mông trên mái nhà. Tiếng nhà máy điện chạy u u xa từ mạn đầu thị trấn càng về khuya càng nghe vọng lại rõ dần. Gió lớn kéo tràn qua thịt da từng cơn lạnh buốt. Tôi rủ Thư trở vào. Thư khép cửa, đi vào huýt sáo miệng đầm đầm lên chiếc bao da đựng cát dùng tập võ thái cực đạo treo lơ lửng giữa phòng khách, nói vắn vơ.

— Trời gì lạ lùng, trông như những ngày gần tết ngoài mình.

Chị Hương đâu từ nhà dưới vừa đi lên khỏi cầu thang, nói góp vào :

— Tôi cũng vừa nói với anh Trọng thế đó. Lạnh ghê

— Thật là cái xứ mọi, mùa hè mà lại mặc áo ấm ngồi run.

— Rùng mả.

Chị Hương cười thành tiếng trong vui, đi vào phòng. Thư vào phòng. Tôi ngồi lại bên Trọng, xem chương trình kịch chống Cộng của đài truyền hình và chân mắt mở sách ra đọc. Cơn mưa đang dai dẳng đều đều không ngưng trở lớn, khuya rồi xả với tiếng gió hú mạnh, át lấp cả tiếng bàn máy chữ lóc cóc và tiếng hát nghêu ngao của Hoàng ở phòng sau còng. Trang sách mở rộng, những giòng chữ lẫn lẫn nổi đuôi nhau dưới đôi mắt chán nản. Tôi đọc, đọc giòng này quên bằng giòng kia, cứ thế cho đến hết mấy trang sách, gấp lại, vuốt mặt, thờ dài đứng lên, đầm mạnh vào chiếc bao nặng, thất lớn như đang trở chứng : đánh giặc kiên cường mà việc nhà cũng giỏi, họ ơi huầy... Cùng với câu hát, tiếng chị Hương cười ròn tan.

Căn gác chia ra 3 phòng, 6 mạng ở. Phòng thứ nhất, lớn nhất, sát đầu cầu thang, nằm quay lại, miếng giấy nhựa xanh gắn trên sống cửa, giòng chữ khắc nổi rõ : Hoàng và Nhượng, cách lối đi ; phòng thứ hai nằm áp vào bên này tường, theo chiều dọc căn gác : vợ chồng Trọng Hương ; phòng kế theo, phòng cuối cùng, sát lan can, có cửa sổ mở trông xuống đường : Thư và tôi. Một khoảng rộng trước hai căn phòng nhỏ, chạy dài từ cửa lan can vào đến phòng của Nhượng và Hoàng : phòng khách, nơi họp mặt ngồi coi tin, nói gẫu mỗi buổi tối, với tập võ, nơi đám nữ sinh nhỏ lại thăm áo quần tím trắng ngi chuyện trò riu rít quanh Nhượng.

Càng về khuya mưa gió càng làm dữ thêm. Những cánh cửa quanh căn gác mở, thông ra trời đều đã khép kín, tiếng dế kéo lê lê tới lui dưới mấy ngọn đèn dín trên trần nhà lạnh căm. Không ai nói với ai một điều nào cả. Cũng chẳng còn một điều gì để nói. Ngày mai Thư đi, vài hôm sau nữa lần lượt chúng tôi tiếp tục theo, tất cả về chung một vùng quê quán. Những chuyến tàu chuyển xe

nào đó với xách gói đường dài mơ hồ gọi lên chút nồn nao âm thầm dẫu trong từng đũa. Tôi rút ngum trà lạnh còn trong bình, uống, đi vào phòng giúp Thư soạn xếp hành lý. Chẳng có gì cả, phần lớn sách vở đều được chất đống bỏ lại, vài ba quyển quan trọng kèm với hai bộ áo quần nhét vào xác tay. Vừa soạn xếp cho Thư tôi vừa sắp đặt những vật dụng của mình cho thời gian còn ở nán lại và nói đến cái hình ảnh sáng mai : 5 giờ sáng, đêm chưa tan, dưới mái hiên mưa tối, trong cơn mưa ướt lạnh, có một người khách ôm xác tay đứng hút thuốc co ro chờ xe. Thư lắc đầu nụ cười giữ một lúc lâu trên môi im lặng.

— Lãng mạn quá.

—Ừ, lãng mạn và quá lạnh. Tiếc là không có người nào thả tóc dài trông theo.

— Trông theo mà nói gì, còn khóc nữa chứ.

Tiếng Trọng từ phòng ngoài gọi lớn : Hoàng, ra mà nghe hai con ệnh oạng nói chuyện này. Hình như có tiếng Hoàng nói lại gì đó, khuất vào những tiếng cười, không nghe rõ. Tiếng cười dứt, Trọng



TRUYỆN NGẮN

NGUYỄN NGŨ

lại nói với vào với tôi : mày khéo lo, nó con Đông Lan đó. Thư lắc đầu vô tay : tội quá mày ơi, đừng kéo người ta ra tòa thêm khổ. Lại tiếng cười rộn vui. Tôi quay qua nhìn Thư hỏi khẽ :

— Đông Lan nào.

— Không. Khéo tin.

Tất cả trở về im vắng với những âm thanh cũ dai dẳng bao la. Thư găm điện, mở cassette nghe, kéo thermose pha trà, nói đến Saigon và ngày mai, đứa em gái con ông cậu học Gia Long, đám hạn bè vừa nhập khóa tập ở tại Quang Trung... Những mẩu chuyện không đầu vào đầu, tôi nói, Thư nói, chấp nối nhau kéo ra lan man. Trà trong bình đã nguội ra, nghiêng rót vào ly, tỏa hương thơm loảng ngất. Trà sen, trà của đám nữ sinh đem tặng các thầy, nhờ thầy mang ra ngoài ngoài cho ông cụ bà cụ. Uống xong mấy tách trà, tôi bỏ sang phòng Hoàng, nằm xuống cái giường rộng của Nhượng bỏ lại. Kéo chăn trùm ngang ngực, nghe tiếng máy chữ lóc cóc, tiếng mưa trên mái nhà, và cơn sốt xa xăm ớn lạnh trong da thịt. Tôi thiếp đi. Giấc ngủ ngắn, tôi chấp chờn tỉnh táo giữa cơn mê mặt bành bồng. Một lúc sau không đứng tôi ngồi bật dậy, mở mắt nhìn quanh. Gió gào lớn bên ngoài khung cửa khép kín, ánh đèn

nhợt nhạt, Hoàng ngồi sau bàn máy chữ, ngừng đánh, nhìn tôi, nói chậm rãi.

— E có bão dẫu dưới miệt biển rồi.

— Không nghe ra sao à ?

— Không.

Tôi lại nằm xuống kéo chăn phủ kín cả mặt, xuôi rũ tay chân, chìm vào cơn mê một củ vừa thoát dứt, trời xa dần, heo hút đi. Hình như suốt đêm tôi không mơ thấy gì cả.

BUỔI SÁNG da trời trắng hừng, mưa vẫn còn nhưng đã nhẹ hơn. Tôi thức giấc bỗng nhác nằm trần trụi như thói quen. Hoàng từ ngoài đi vào, vắt chiếc khăn ướt lên thành ghế. Dục tôi đánh răng súc miệng sửa soạn ăn sáng. Tôi ngồi dậy, bỏ bàn chân trần xuống nền nhà quơ quơ tìm dép — chyt nhả ra.

— Thư đi rồi à ?

—Ừ, đi đâu từ khi 5 giờ sáng. ai biết.

Tôi che miệng ngáp và tự nhiên buồn bã lạ lùng. Thư đi rồi. Căn phòng cửa khép dang kia không còn ai nữa, sách vở ù ù, chiếu chăn nhàu nát và khoảng trống vắng giữa 4 bức tường. 5 giờ 30, xe bỏ bến lao vào đường dài : đoạn đường nguy hiểm khuất mù trong sương đặc, nối vào vùng đèo giữa non núi mịt mù. Có lẽ lúc này, 6 giờ 30, chiếc xe nhỏ đang leo lắt dọc đèo. Chắc mưa ở đó, mưa dữ dội xối trắng những thung lũng, che lấp những đỉnh cao; và chút nắng vàng hanh yếu trên những vùng rừng thưa những vườn cây trái thấp xuôi về bình nguyên, qua các xứ dân cư. Tôi ngồi gấu tay vào giữa hai đùi khép chôn nhau, lặng lẽ với trí tưởng. Hoàng ngồi giữa trên chiếc ghế nhựa, nhét thuốc vào ống vớ, quyết điem môi, thở khét.

— Sao, buồn...

— Buồn.

— Tội chưa. Thôi, chút đợi nắng lên đi bắt vài con bướm...

Tiếng nói quen thuộc, câu nói khôi hài của nhiều ngày tháng, tiếng cười sắc sảo tắc nghẽn trong cổ họng, khỏi thuốc 79 loãng thơm tan mờ mờ trước khuôn mặt già sớm và đầy những dấu vết sau thời tù khám của Hoàng. Tôi nhìn hẳn cười theo, chậm chạp đứng lên tìm bát bột kem, xuống cầu thang, ra nhà sau.

Chị Hương đang đứng giặt chiếc khăn nhỏ, nhích tránh sang một bên nhường lối, nụ cười vui, đôi mắt sáng trong.

— Anh ngủ giờ mới dậy à ?

— Dạ. Ngủ ngon giấc quá.

— Rứa không ai tiễn anh Thư à ?

— Cho nó làm lữ khách cô đơn mà.

Chị Hương vắt khăn, thay nước mới vào chậu, tiếp tục giặt. Tôi đánh răng, rửa mặt, đắp chiếc khăn ướt lau xuống quanh cổ, nghe gai ốc rợn dọc thịt da, bật cười một mình. Chị Hương lại vắt khăn, bưng chậu nước đổ rửa chân.

— Không biết anh Thư buồn gì mà đêm vừa rồi ngồi thức cả đêm.

— Chắc nó sợ trẻ xe.

— Sợ gì, tôi đã cho mượn cái đồng hồ đeo rồi mà.

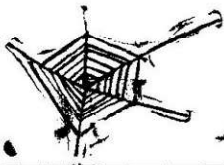
— Thế à.

Đôi mắt ngược lên với nụ cười tỉnh nghịch. Chị Hương kể, giọng đều đều :

— Anh biết, khi điện tắt rồi anh ấy đốt bịch lạp lên ngồi hát hòai, tôi ngủ lâu lâu thức dậy lại nghe anh ấy hát, hát mãi đến khi xe đến gọi bóp còi gọi luôn.

— Hát gì thế ?

— Ai biết. Cứ im đi một lúc rồi lại hát, huýt sáo miêng. À, khi gần sáng thì anh ấy hát cái bài...



gi người ta viết sang tiếng Việt theo bản Valse gi đó của ông Brahms kia.

— Ờ. Thật chứ?

— Bộ tôi nói giỡn sao. Anh Trọng cũng biết nữa mà.

— Chắc là nó trót đại với con nào rồi chứ gì.

Đứa nhỏ con gái út của ông bà chủ nhà đầu từ phòng trước lại đứng yên lặng trên thềm cửa nhìn chúng tôi. Nguyên trò, khuôn mặt chưa tan giấc ngủ, bàn tay che miệng ngáp dài. Những khăn vào nước vắt thêm lần cuối, tôi đẩy cái thau cho nó, theo chị Hương đi lên. Đến đầu cầu thang gặp Hoàng đang lom khom dọn giấy vụn và vỏ trái cây vào thùng rác, tôi kể lại mẩu chuyện mới nghe:

— Thăng Thư nó vừa chiêm được một kỷ lục kỳ dị.

— Kỷ lục chi rứa?

— Kỷ lục hát tình sầu: ngồi đốt nến hát từ 12 giờ khuya đến 5 giờ sáng.

Hoàng lau tay vào cái khăn tôi vừa mang lên, đi vào phòng, miệng cắn chặt ống vớ cười rung rung:

— Rồi, lại thêm một con ệnh oạng chính thống nữa rồi.

BỮA trưa, vợ chồng Trọng vẫn giữ cái tình trạng từ ngày mới cưới: lên xe gắn máy cồng nhau ra chợ mua thức ăn; về, vợ nấu nướng chồng ngồi đọc báo cho vợ nghe, cơm canh xong xuôi dọn ra bàn giữa phòng khách. Máy đưa độc thân còn lại vẫn giữ nề nếp cũ: 12 giờ đúng ra quán, 1 giờ trở về, ghé mua mấy tờ nhật báo vừa đi vừa đọc dưới những mái hiên ướt. Trưa nay thiếu Thư và Nhượng. Bốn cái chén dọn ra, hai cái bị đưa trả vào. Thư đã đi và Nhượng còn mua vé máy bay chưa về.

Ăn xong về nhà, Hoàng lại ngồi lóc cóc với cái bàn máy chữ. Tôi buồn nản tới lui và chẳng biết làm gì cũng ngồi vào bàn. Cảnh cửa sổ được kéo cao lên một chút nữa, tập vở được bày ra, mở ra, cây bút gác ngang bên cạnh. Tất cả trong tư thế sẵn sàng. Và tôi, tôi ngồi ngó vào cái màu trắng mỏng của tờ giấy với nỗi bất lực rõ ràng, ngó ra con mưa nhẹ đang mờ trắng trên những ngọn đồi xa bên kia và muốn bỏ đi nằm, nhưng vẫn ngồi yên. Bao giờ cũng chỉ thế này, thế này và chấm hết, bỏ bước, hết. Con ngày ớn bởi chứng sốt rét không trị dứt còn chấp chờn triền miên trong da xương, đơn mọt mòi vằng vất thường trực, và cái cảnh khốn nhất kiến tri nhất là cái tiếng nhác. Tôi không muốn làm gì cả; và với cái tiếng nhác đó, tôi thấy thật tình cũng chẳng có gì để phải làm phải gọi chú lại thành chữ thành nghĩa cả. Một ngày qua, cho nó qua; như một đời sẽ qua; như hàng hà sa số cuộc đời khác đã qua mà chưa giữa những tang thương đời đời trên trái đất này, từ cái dáng hình thô kệch với những kết cấu xương thịt quá đơn sơ cho đến một hình thái có thể nói rằng quá đời phức tạp là cái nhân loại hôm nay, bây giờ. Cho nó qua. Và cho nó qua thật; tôi gấp vở, bỏ viết vào túi, đi nằm.

Ben ngoài có tiếng Trọng đang chào hỏi ai đó, rồi ghé lại gõ cửa. Tôi đứng dậy đi ra, Trọng và một người đàn ông cỡ 50 tuổi mặc pardessus trắng

đang đứng nhìn vào. Tôi gật đầu chào, Trọng giới thiệu.

— Đây là ông Thiệu tá ở cạnh nhà, người cùng xứ.

Tôi bắt tay, Thảo bắt tay; cả đám dẫn nhau đến vây quanh chiếc bàn giữa phòng khách. Chị Hương từ dưới cầu thang đi lên, cười làm dấu chào, quay qua đốt réchaud đun nước. À, thì ra là viên Thiệu tá ở cạnh nhà, người cùng xứ. Suốt cả thời gian đang đặc ở sát cửa nhau, chung nhau một giọng nói, ra vào đụng mặt nhau từng bữa, vẫn không ai chào hỏi ai, có lẽ cả hai bên cũng ở trong cái trò giữ miệng: chào làm mẹ gì, bộ nó quan trọng lắm sao; rồi không dựng cách đây mấy hôm bà thiếu tá chen vào phá mất cái im lặng nặng mùi tiều tuỵ sản bệnh hoạn đó: nhân danh phụ huynh học sinh của trường, bà ta khéo léo mang sang cho các thầy một bị đầy avocat sắp chín và mấy nải chuối lớn. Lễ dĩ nhiên bên đó tấn công, bên này phải trả đũa: Sáng nay, khi ăn sáng về, Hoàng rủ tôi vào thăm một chút cho rồi nhưng nhà vắng hết; và bây giờ ông ta đó. Nước da tái mét, mái tóc ngắn đã ngả bạc, khuôn mặt béo như bị ông ruồi đốt, đôi mắt thiếu thông minh, bộ áo quần cụt của cán bộ nông thôn giấu sau pardessus, nhiều tiếng phát âm đã bị miền Nam hóa một cách nặng nề. Câu chuyện lại dài lằng lằng hết nhà cửa sang thân thế sự nghiệp gốc gác ông cha gì đó kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ. Chốc chốc chị Hương lại mang thermose đến, cười chào, trả lời một câu ngắn, bỏ thêm trà, thêm nước sôi, cười mang thermose đi. Rồi chuyện cũng hết, thiếu tá về. Tiền chân thiếu tá ra khỏi cửa, ba đưa trở lên, lặp lại một câu tâm sự thâm thiết nhất vừa nghe được: nói thiệt với quý thầy, lúc kia tôi làm thông ngôn cho Tây, sau được phát xê qua làm ở sở rồi... thiệt là lên voi xuống chó.

Chị Hương đi ra, ngồi vào cái ghế thiếu tá bỏ lại, góp chuyện:

— Chắc mấy ông này lúc đầu vào lính cũng cơ hạ sĩ trung sĩ rồi đi trận lên cấp bậc từ từ chứ chi?

Trọng khời hải:

— Bộ em ngờ là ông làm thông ngôn, rồi được phát xê qua sở rồi, rồi chán, rồi bỏ đi làm thiếu tá sao.

— Thế nhưng tay này còn đỡ hơn cái anh trung tá Tô rằng đen.

Hoàng lắc đầu đưa tay xoa xoa ngang mặt ngất ngang câu nói.

— Thôi, thôi. Coi chừng lại mệt với thằng Thư.

Đôi mắt thoáng ngạc nhiên, chị Hương quay lại nhìn Hoàng,

— Té ra ông già anh Thư là trung tá à.

Tiếng cười như bị giữ bụng lại từ lâu, gặp dịp vỡ bụng ra. Tôi và chị Hương cũng cười theo. Trọng rót nước uống, gật gù.

— Ờ, ông già tương lai mà.

— Thế ông Tê là ông già của con nào?

— Con Đồng Lan.

Đồng Lan. Tôi nhắc khẽ cái tên, định hỏi thêm vài điều về con nhỏ, lại thôi. Trọng đang dẫn câu chuyện trở về lại thân thế sự nghiệp của viên thiếu tá, rồi lan man qua những mớ khác, lâu lâu chầm vào một câu khôi hài đánh thức tiếng cười dậy.

Chợt có tiếng giày gõ đều đều theo nhịp chân bước nhanh trên những bậc cầu thang. Cả bốn đưa quay nhìn. Nhượng về ướt sũng và tươi cười. Nhượng vào phòng ném xách. Vừa thay áo quần vừa trả lời những câu hỏi của bốn đứa ở ngoài hỏi với vào; và áo quần khô, trở ra, ngồi vào bàn nhìn lại cánh cửa căn phòng ngoài cùng, hỏi hờ hững.

— Thăng Thư đi rồi à?

— Ừ sáng này.

Và chuyện của Thư được nhắc kể, con bé Đồng Lan nào đó được nhắc đến với những ngọn nến cháy suốt đêm, nhạc Brahms trầm thì, tiếng huýt gió và chuyển xe 5 giờ 30 ướt lạnh.

Ngoài trời, mưa vẫn nhỏ hạt, dai dẳng. Gió cuốn mạnh từng đợt nước bay trắng chùng lên vùng sân vận động trống tênh. Tôi ngồi lặng lẽ giữa tiếng cười đùa, nhìn ra mưa; cái tên Đồng Lan như một âm vang lạ vương vất hoài trong trí tưởng. Đồng Lan, không thể tưởng tượng ra được gì cả. Có phải con bé được sinh ra giữa mùa đông. Với cái tên, một hình ảnh khuất lấp giữa tuổi thơ bất ngạt của tôi, đang lặng lẽ hiện về: một ngày cận tết, khóm lan trồng trong chậu sứ đem mấy cánh hoa trắng nõn, nổi rõ trên màu lá xanh và nền trời xa bạc thắm, gió bắc từ mạn núi bên kia sông hoà hũy thời về.

Đang ngồi, như vừa nhớ ra điều gì đó, có vẻ gấp gáp, Trọng đứng dậy đi xuống cầu thang. Hoàng hỏi theo: gì rứa mà? Không trả lời, vừa đi xuống, Trọng vừa nói lớn: trước tôi là thông ngôn sau được phát-xê... Chị Hương lắc đầu cười: khéo, người ta nghe lại mất lòng.

VỀ CHIỀU, mưa ngớt dần rồi tạnh hẳn. Bữa cơm xong, 3 đứa ra khỏi quán, ghé lại hàng bắp nướng mua mấy trái còn nóng hổi, gặm từng hạt, đi lang thang. Trời vừa mưa xong mà có Nhượng là không thể thiếu cái trò này được.

Chắc chắn trong sáu mạng ở chung một căn gác đó, sau Nhượng tôi là thằng tương đối thích cái trò để đầu đầu sờ mũi này nhất. Sau tôi, kể đến là Hoàng và Thư, còn vợ chồng Trọng thì hầu như chưa bao giờ tham dự cả. Cái lý do Trọng nêu ra quá gọn ghẽ và dễ thông cảm: Chưa tao ra để còn lo chạy đi mua dầu Nhị thiên đường chứ, không lẽ bị cảm cả đám nằm vật xuống mỗi phòng hai đứa trùm kín trong mền, phòng này kêu "ệnh" phòng kia kêu "oạng", kêu đến khô cổ tắt hơi chết luôn à. Cũng đúng, sau cái lý do viện dẫn, không hiểu sao nó gọi vợ chồng Trọng nữa. Và cái danh tự ệnh oạng kỳ cục đã quen dần, chen lẫn vào tiếng nói hàng ngày, mất hẳn cái buồn cười của ngày đầu tiên.

Ệnh oạng là tiếng dân ở các miệt quê Thừa thiên Quảng trị gọi chỉ danh con ệnh ương, gọi theo cái âm của chúng phát ra ở ven các ao hồ úng nước sau những cơn mưa lớn. Hễ mỗi lần mưa dừ là có tiếng ệnh ương kêu, và bây giờ, hễ mỗi lần mưa dừ là Nhượng khoác cái tôi xuống đường đi lêu bêu. Chẳng còn một danh từ nào đúng hơn để gọi lên sự vi von đó nữa. Và cũng chẳng hiểu vì đâu mà Trọng lại tìm cái vi von kỳ quặc đó. Sau vài ngày mưa dầm, tiếng ệnh ương được đổi thành ệnh oạng: một tiếng gọi hình mạnh hơn, âm thanh phong phú hơn, và đã được giữ lại cho đến bây giờ. Chắc không còn thay đổi bởi đang được bồi đắp thêm: đẳng ệnh oạng, ệnh oạng chúa, ệnh oạng viên. Lễ dĩ nhiên Nhượng là ệnh oạng chúa, và tôi là ệnh oạng viên độc nhất trong cái đẳng bộ hai người đó. Còn Hoàng, Thư, và vợ chồng Trọng Hương, nói theo cách lập luận của các bài văn vật học lớp 6: những tương can.

Gần suốt 2 năm chung sống, từng đứa đã tự mài bớt dần những cá biệt của mình. Ban đầu là cố gắng thỏa hiệp để dễ thở: nhưng rồi dài theo thời gian, chúng tôi quen dần. Thích hợp dần với những thói quen, những suy tưởng, những cách biểu hiện đời sống của nhau. Từ những xác chết bạn bè, những trại tù khốn nạn, những phòng phổi kiểm tin tức sắc hơi máu người, Hoàng đến đây, hai năm qua, bây giờ đang để đầu trần đi trong gió lạnh, nhìn qua các đôn cây mù khuất, mỉm cười với Nhượng: đẹp quá. Và Nhượng, một

(Xem tiếp trang 15)

VỀ loại thơ thuộc «Kỹ nghệ làm ăn» của Xuân Diệu, loại này đầy rẫy trên khắp mặt báo miền Bắc. Nhiều vô số kể. Ta hãy đọc một số bài...

Sau khi viết thư báo trước, «hẹn hò» với ông Giám đốc Nông trường Quốc doanh «Cà phê Đông Hiếu» ở Nghệ An, Xuân Diệu leo lên xe hỏa vào ngay. Tại đây sau vài ngày nhậu nhọt đã đời, được ông giám đốc và cấp ủy nông trường phục vụ đủ thứ, Xuân Diệu làm ngay một bài thơ gửi về Hà Nội, gọi là cho đăng sớt dẹo:

CÀ PHÊ ĐÔNG HIẾU

Ai lại cà phê nở rất tươi
Lao xao hoa trắng bạt ngàn thời
Trong xanh như sắc hoa nhài vậy
Mà một mùi hương thờ nhẹ người

Đông Hiếu nông trường còn trẻ ghê
Nghe đồn Đông Hiếu lắm cà phê
Rờn rờn lá ánh, ánh dương biển
Đã mọc trên làn lá trâu che

Tường ở nơi đây lúc chín cà
Ngành tay thoăn thoắt hái như hoa
Đầy tay, đầy giỏ, đầy vai nữa
Một sắc hồng Arabica

Nâng tách cà phê pha rất thơm
Vị đời có lẽ cũng tăng hơn
Gửi đi nước bạn đang băng tuyết
Một ít hương một trời Việt Nam
(Trích tạp chí «Văn nghệ quân đội») Hà Nội.

Đến «kinh lý» ủy ban chỉ đạo công tác thủy nông ở Thái Bình, Xuân Diệu gửi bài về Hà Nội cho đăng trên báo NHÂN DÂN của Trung Ương Đảng:

Con kênh, con máng, con nương
Con cùng chảy, anh thương con nào
Anh thương sông cái lắm sao?
— Nhỏ to sông máng, sông đào đều yêu
Cùng ta một thuở tuy nhiều
À à nghìn năm vẫn phì nhiêu đất này.

(Trích báo Nhân dân) Hà Nội.

«Hẹn hò» với những hợp tác xã ngư nghiệp ở Vịnh Hạ Long, Xuân Diệu đến đón hít, hít phơn đã đời, lại có bài gửi về tuần báo Văn Nghệ của Hội Liên hiệp Văn học, Nghệ thuật:

Chôm Cỏ Tô mười bảy đảo xanh
Hai hòn lớn nhất như giao cành
Hòn Cỏ Tô ruộng giang muối trắng
Nuôi bào ngư, nuôi ngọc trai lành
Hòn Thanh Lân đi chài kéo lưới
Gió thơm mùi hoa com, lá chanh...

(Trích bài «Chôm Cỏ Tô 17 đảo xanh» báo Văn nghệ, Hà Nội)

Khoái ăn thật rừng nhậu để và muốn kiếm chác một ít khố nòi, ít quả rừng núi, Xuân Diệu lên lên rừng với các lâm trường, các đội biên phòng Tây Bắc. Cho đến tận công nhân nhỏ ở bến phà Thía (Sông Đà) Xuân Diệu cũng không quên «chiếu cố»:

Anh lên lần trước, uống nước sông xanh

Anh lên lần này nấu cơm nước đồ
Đầu lủ sông Đà, trắng phau cửa sổ
Bến phà Thía, ngôi nhà nhỏ công nhân.

Ahh thầy thủ có tâm hồn hơn hẳn
Vẫn đưa phà qua những bến bờ yêu

(Trích bài «Trên bến Phà Thía»)

Những địa phương, địa danh Miền Bắc có môn gì lạ, có khung cảnh hữu tình hay có những nét độc đáo nào đó là Xuân Diệu không hề bỏ qua. Xã Thanh Nga của huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xã này toàn trồng cọ lấy lá lợp nhà, bán đi các nơi, Xuân Diệu cũng mò đến làm quảng cáo:

Gió xuân về huyện Cẩm Khê
Thì tôi cũng mến thương về Thanh Nga
Cọ cao lá rợp sân nhà...

Tiếp theo là tràng giang đại hải nào cọ bán nhiều tiền, lá cọ ở đây tốt,

«MÁY LÀM THƠ» kiểu mẫu nhất cho các «đồng chí» noi theo. Để đánh đổi đời nô lệ lấy sự sống và «miếng đình chung cơm», ở khía cạnh này, quả tình Xuân Diệu đã biết «khai thác triệt để» qua «kỹ nghệ làm ăn» như đã trình bày ở trên. Về đời sống vật chất, Xuân Diệu đã được hưởng thụ thật nhiều, nhiều gấp bội những đồng nghiệp khác.

Chính vì nguyên cớ đó, Xuân Diệu luôn luôn «đi công tác», ít khi có mặt ở Hà Nội từ sau 1958. Rày đây, mai đó để hưởng thụ và cũng để tránh xa Hà Nội, tránh xa những hờn oán, những kỷ niệm khôn nguôi của một con người đã chết. Người đó là thi sĩ Xuân Diệu. Xuân Diệu thật đã chết rồi. Giờ chỉ còn là cái «MÁY LÀM THƠ» mang tên Xuân Diệu mà thôi.

Trong lần đại hội văn nghệ toàn miền Bắc, như ta đã đọc qua, việc Xuân Diệu chết sững, cảm động đến lặng người vì mở radio, tỉnh cơ nghe đài Saigon ngâm bài thơ LỜI KỶ NỮ, quá đủ để cho ta thấy: «Hồn Xuân Diệu ở đâu bây giờ?»



XUÂN DIỆU trên đất bắc

LOẠT BÀI THEO CHÂN
NHÀ VĂN NHÀ THƠ
TIỀN CHIẾN CỦA KIM NHẬT

6

lá cọ cải thiện đời sống nhân dân, hợp tác xã này thì đua giới... v.v...

Đến như một hợp tác xã trồng dâu, nuôi tằm ở tỉnh Thái Bình, Xuân Diệu cũng đặt vào «chương trình làm ăn»:

Một sớm về thăm thôn Thuận Vy
Vườn vườn biêng biếc lá reo thì
Nhà nhà mấy thúng tơ vàng óng
Những nhánh dâu xanh mướt đầy thị

Cả vùng tự trị Thái Mèo, núi cao chón chờ, Xuân Diệu cũng không từ, tìm đến để quảng cáo... khoai mì trong «Sân từ hợp tác Hà Biên»

Vỏ ngoài em khoác áo nâu
Vỏ trong em khoác áo màu hồng sen

Muốn ăn xôi sắn đồ lên
Cầm thanh sắn luộc, không quên người trồng

Vân vân và v.v...

Qua một số thi thơ, tác phẩm thuộc loại «Kỹ nghệ làm ăn» tưởng cũng đã quá đủ để đại diện cho thơ Xuân Diệu ở loại này.

Tâm tình Xuân Diệu là tâm tình của «ông đồ già» trong tác phẩm của Vũ Đình Liên:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết
Tâm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thấm
Mực đọng trong nghiên sầu

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở
Vắng bóng ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu, bây giờ?

Thế đấy! Cũng tội cho Xuân Diệu. Takhông thể nào tìm lại được một Xuân Diệu của ngày xưa, thì, loại thơ tuyên truyền, loại thơ bán kẹo kéo, rao hàng phải là sản phẩm tất nhiên của một cái «máy làm thơ».

Không riêng gì cho Xuân Diệu, cả những văn thi sĩ tiền chiến được nhiệm vụ đi lính hồn rồi, nào đã có ai, tác phẩm của họ không giống như Xuân Diệu trên đất Bắc hôm nay?

Soát lại «sự nghiệp văn thơ» của Xuân Diệu từ 1945 đến nay, ta thấy có những tác phẩm được in thành sách:

- NGỌN QUỐC KỶ (trường ca, N. X.B. Văn nghệ-Hà nội 1945)
- NGÔI SAO (thơ, N.X.B. Văn nghệ-Hà nội. 1954)
- MÚC MÀU và CÀM TAY (thơ, N.X.B. Văn Học-Hà nội. 1958)
- ĐAO CỎ MÀU MỚI SẮC (tiểu luận, NXB. Văn Học Hà nội. 1958)
- NHỮNG BƯỚC ĐƯỜNG TƯ TƯỞNG CỦA TÔI (tiểu luận, bản tự kiểm thảo, phân tích — NXB Văn Học - Hà nội 1958)
- BA THI HÀO DÂN TỘC — NGUYỄN DU, NGUYỄN TRÃI, HỒ XUÂN HƯƠNG (tiểu luận, NXB. Văn Học-Hà nội. 1960)
- VÀO TRONG BẾP NƯỚC CỦA THƠ (tiểu luận NXB. Văn Học — Hà nội — 60)
- MIỀN NAM NƯỚC VIỆT CỦA CHÚNG TA (bút ký NXB Văn Học — Hà nội — 65)
- MỘT KHỐI HỒNG (thơ NXB Văn Học — Hà Nội — 1965)

v.v... và vô số bài thơ đăng trên các báo không được in thành tập.

Số phận của Xuân Diệu đã được Đảng định đoạt, an bài. Thơ Xuân Diệu được kê vào hàng «nhiều nhất miền Bắc, nhưng hầu như chẳng bao giờ Đảng cho phép đưa lên đài phát thanh Hà nội cho Châu Loan, Trần thị Tuyết v.v. ngâm trong tiết mục TIẾNG THƠ vào 10 giờ đêm. Bởi đó là «đài vinh quang», kẻ bị kiểm thảo không được quyền chương mặt, giới thiệu, đề cao trước mọi người. Trong khi Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tế Hanh, Nguyễn Đình Thi v.v... cả những tên vô danh tiểu tốt «cứ xuất hiện đều đều, thứ hai kể nhiều tự ái, thích phô tài, khoe danh như Xuân Diệu có đâu không?

Rồi những quyền lợi, giá trị về tinh thần khác như được đi du lịch, đi Tàu, đi Nga, các nước Đông Âu, Á Phi v.v... cũng không có phần của Xuân Diệu. Ngay trong chương trình văn học sẽ miền Bắc, chương trình, giáo dục từ các lớp phổ thông cấp 2, cấp 3 cho đến Đại học Tổng Hợp — Văn cũng không có phần của Xuân Diệu. Hợp hoảng, được một vài cô giáo, thầy giáo thương tình, chọn vài bài thơ làm bài đọc thêm để... tham khảo.

Nói gì tác phẩm của Xuân Diệu được dịch ra Hoa Văn, Nga Văn hay một thứ ngoại ngữ nào khác như tác phẩm của Tố Hữu, Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên v.v...

Vì sao? Ta đã biết rồi! Bây giờ, trong những ngày cuối của cuộc đời một nhà thơ, Xuân Diệu chỉ được phép làm ủy viên Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật và làm thơ tuyên truyền, rày đây mai đó qua các địa phương trong các «dịch vụ làm ăn» để trả giá cho những gì đã mất của một ông cai văn nghệ.

Xuân Diệu ơi! Còn làm sao được nữa...

... Xao xác tiếng gà
Trắng ngà lạnh buốt
Mắt run mờ
Kỷ nữ thấy sông trôi
Du khách đi...
Du khách đã đi rồi...
Nào nàng thấy! >

Kể từ số này, KH tự lấu lấu, một công việc vô cùng khó khăn: Sơ Thảo 15 Năm Văn Xuôi Miền Nam (1955-1969). Khó khăn trước hết vì thiếu tài liệu, khó khăn thứ hai vì loạt bài có thể không thực hiện đúng ý của người chủ trương, và do đó, gây ngộ nhận trong làng Văn. Nhưng đây là việc phải làm, và KH đứng ra làm, trước khi những cơ quan văn hóa nhà nước hay những Hội đoàn văn hóa lớn muốn làm. Loạt bài này sẽ được viết bởi năm người: Lê Huy Oanh, Nguyễn Hữu Hiệu, Nguyễn Nhật Duật, Cao Huy Khanh và Viên Linh. Một: Anh Cao Huy Khanh, một tác giả trẻ, sẽ đứng bản sơ thảo tổng quát và Hai: bốn tác giả còn lại, sẽ lần lượt viết về một số nhà văn điển hình và tên tuổi nhất hiện nay, những vì sao chói lọi trên nền trời Văn học miền Nam từ 1955 tới giờ, những người mở ảnh hưởng đã rõ rệt. Cũng tham dự loạt bài này là họa sĩ Nguyễn Hải Chi, vẽ chân dung, và một nhà Xuất Bản chưa tiết công bố, sau đó sẽ in thành sách. Loạt bài, gồm những ghi chép, nhận định, hoàn toàn chỉ là những chất liệu để từ đó các nhà Văn học có thể lấy thêm ít nhiều tài liệu. Chúng tôi sẽ giảm thiểu sự phê bình, bởi 15 năm văn xuôi Miền Nam ở đây, 1955-1969, còn rất nhiều giá trị sinh hoạt, chưa thể coi là những giá trị hoàn tất. Do đó, đây là những ghi chép đánh dấu, hơn là những phê phán, kết luận. Mặt khác, vì là loạt bài đăng báo tuần, thứ tự xuất hiện không thể coi như sự sắp xếp giá trị. Rất mong các bạn, và bạn đọc, góp thêm ý kiến cho công việc này được tốt đẹp hơn. V.L.

SƠ THẢO

NHìn lại 15 năm Văn Xuôi Miền Nam đã qua là làm một công việc cực kỳ khó khăn. Bởi vì nó gắn liền với lịch sử, lịch sử như những kinh nghiệm máu xương đã trải qua, những thành công và thất bại quyết định sau cùng, những vị trí và giá trị dứt khoát. Đó là một trong những con đường đưa tới Văn Học Sử, bảo tàng viện chữ nghĩa và tư tưởng của một dân tộc. Nhìn lại 15 năm Văn Xuôi Miền Nam đã qua, đó là một công việc vô cùng nguy hiểm (với những điều kiện và hoàn cảnh, nhân lực, phương tiện... như hiện tại). Vì thế toàn thể những nhận định rất tổng quát sau đây (những nhận định, rất tổng quát về một hình dung rất sơ lược) chỉ có giá trị như những nỗ lực ghi nhận và tổng kết đầu tiên mà thôi.

Vấn đề trước hết cần phải giải quyết là vấn đề thời điểm 1955 là thời điểm mở đầu, điều đó có thể được chấp nhận dễ dàng vì nhiều lý do (trong đó lý do về lịch sử, thời cuộc là lý do chính yếu nhất) nhưng đâu là thời điểm kết thúc, một thời điểm nào có thể xem như đánh dấu một khúc quanh một ngã rẽ thật quyết liệt để tạo nên một sự chuyển hướng, biến đổi toàn diện trong toàn thể sinh hoạt văn chương? Cái thời điểm đó, chúng ta chưa tìm thấy được hay nói cách khác cái thời điểm đó chưa đạt tới được ở giữa chúng ta. Lấy 1969 làm một thời điểm ở đây không có ý nghĩa gì hơn một sự chọn lựa đầy trái ý, bởi vì con số đó tự nó không tạo nên một sự kết thúc hay một sự mở đường nào hết cho Văn chương miền Nam: Trước 1969, Văn chương miền Nam vẫn chưa hoàn toàn bước hẳn vào một con đường cực đoan nào, vẫn chưa thực sự nghiêng hẳn theo một khuynh hướng quá khích nào. Sau 1969, Văn chương miền Nam cũng không cho thấy những dấu hiệu mất quân bình trầm trọng nào giữa sự tranh chấp kỹ thuật và ý tưởng đối với một tác phẩm và nhất là đối với những khuynh hướng Văn chương hiện tại (Văn chương tranh đấu hay văn chương thuần túy, văn chương viễn mơ hay văn chương bạo động v.v...). Nói một cách dễ hiểu hơn, khoảng thời gian gần gũi 15 năm ở đây không hội đủ điều kiện để mang ý nghĩa một thời đại văn học và chọn lấy năm 1969 làm một dấu giới hạn tổng kết ở đây chỉ là một cách lựa chọn tạm thời. Đi thêm một bước dò dẫm nữa, người ta có thể tìm thấy ở giữa khoảng thời gian 15 năm này một dấu mốc thời gian khác khá lợi cho việc phân định những nét lớn nổi bật trong toàn thể những công trình xây dựng văn chương từ trên 10 năm qua tại Miền Nam: dấu mốc 1963. Chọn 1963 làm một thời điểm ghi dấu văn chương ở đây chúng tôi tạm thời căn cứ theo những lý do sau đây:

— Trước 1963, văn chương miền Nam hầu hết đều mang nặng một trách nhiệm xây dựng: xây dựng một miền Nam thanh bình và tự do bên cạnh một miền Bắc bị từ bỏ vĩnh viễn vì chế độ chính trị.

— Sau 1963, văn chương miền Nam biến thái cùng với một môi ám ảnh thường xuyên khắc

liệt: ám ảnh chiến tranh và tất cả những gì chung quanh chiến tranh. Sắc thái ngọt ngào một thanh bình đã thực sự chấm dứt nhường chỗ cho những nỗ lực viết để ghi nhận, suy tư, làm chứng, cảm nghĩ trước cuộc chiến, về cuộc chiến.

— Từ 1963, một thế hệ các nhà văn mới xuất hiện đông đảo và sáng tác mạnh. Cùng với một số ít những nhà văn trẻ có mặt từ 1960, chính thế hệ các nhà văn mới này đã thực sự tạo ảnh hưởng mạnh trong sinh hoạt văn chương hiện tại.

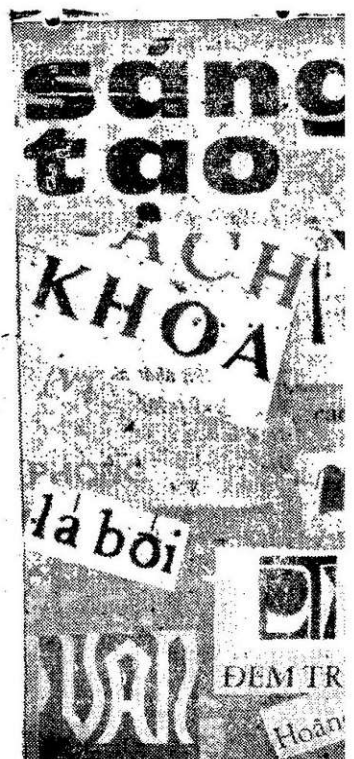
— Hiện tượng trên đưa đến một hệ luận: từ sau 1963, sinh hoạt văn nghệ miền Nam càng trở nên phong phú và đa diện gấp bội: nhiều khuynh hướng thực sự chống đối nhau, nhiều trường phái tách biệt nhau, những hiện tượng ly khai và đề kháng, những lý thuyết và chủ trương văn nghệ phủ nhận lẫn nhau... Những sự xung đột ngầm ngầm đó tuy vậy vẫn chưa đi đến chỗ quá độ: văn chương miền Nam cho đến nay vẫn còn giữ được một thể quân bình giữa sự tranh chấp của một bên là đòi hỏi nghệ thuật, đòi hỏi kỹ thuật thiết yếu, đòi hỏi văn chương ở một mức độ cao và một bên là đòi hỏi thực tại, đòi hỏi một nội dung hiện thực, đòi hỏi một ý thức dân thân, đòi hỏi văn chương như một thân phận trong một hoàn cảnh một quê hương.

Dù muốn dù không, những gì gọi là văn chương ở gần chúng ta nhất (trong ý nghĩa thời gian ngoại tại và nội tâm) vẫn phải là những gì đã động chạm đến rất nhiều cuộc chiến tranh đang tiếp diễn quanh đây. Trong ý nghĩa đó từ 1963 trở về sau văn chương miền Nam đã tạo được cho nó một bầu khí chung để sống, chịu đựng và tranh đấu. Và mãi cho đến những ngày giờ này hãy ghi nhớ là môi ám ảnh nặng nề khó thở đó (chiến tranh) vẫn chưa chấm dứt. Những nhà văn của chúng ta vẫn chưa thực sự nói hết trọn vẹn những lời nói về chiến tranh của họ.

Trong khuôn khổ giới hạn của một bài tổng kết sơ lược chúng tôi tạm thời căn cứ theo một số những tạp chí văn nghệ đã xuất hiện trong thời gian qua để phân định, xếp đặt khuynh hướng các nhà văn. Thực sự thì tại miền Nam những trường phái hay các nhóm văn nghệ chỉ là những trường hợp hiếm hoi, những tạp chí hay tuần báo văn nghệ ban đầu chỉ có ý nghĩa như những nơi họp mặt thân hữu hơn là mang một mục đích chính trị hay chủ trương môn phái. Vì thế ngoại trừ những trường hợp rõ ràng chúng tôi sẽ căn cứ nhiều trên bút pháp và khuynh hướng văn chương để phân định vị trí của các nhà văn. Công việc phân định các khuynh hướng do đó đôi khi sẽ không tránh được về gán ghép nhưng thật ra đối với một tình trạng sinh hoạt văn nghệ. Không đặt nặng phân định trường phái rõ ràng và công khai như ở miền Nam thì quả thực rất khó lòng để tìm được một cách giải quyết nào gọn gàng hơn. Cũng trong giới hạn bài này, chúng tôi sẽ chỉ đặc biệt ghi nhận sự tiến triển của Văn Xuôi qua bộ môn Tiểu Thuyết. Bởi vì

chính tiểu thuyết là bộ môn văn chương đã tỏ ra vẻ dai văn xuôi nhiều nhất. (1)

Đối với cả toàn thể lịch sử văn chương của một dân tộc, khoảng thời gian 15 năm đã qua thực ra không đáng gọi là bao lâu nhưng cũng trong bao nhiêu năm ngắn ngủi đó vô số những biến cố lớn và nhỏ, nặng và nhẹ đã không ngớt va chạm vào đời sống văn chương chúng ta, hòa bình cũng có, chiến tranh cũng có, yêu đương cũng nhiều chết chóc cũng nhiều, hận thù và thống khổ, bao dung và nhân ái, hạnh phúc và tuyệt vọng, bài ngợi ca bên cạnh tiếng kinh cầu, lời nguyện xen lẫn giọng gào thét, những người đã chết và những người còn sống, còn phải sống, những kẻ đã bỏ ra đi và những kẻ đã chọn ở lại..., tất cả những điều đó người ta có thể tìm thấy đồng thời trên hàng ngàn trang tiểu thuyết đã được viết ra dù vừa ý hay không vừa ý rộng rãi trên mười năm dài đăng đăng. Mười Lăm Năm Tiểu Thuyết Miền Nam sẽ còn đó mãi mãi như một chứng kiến Văn Học Sử, nhưng hơn nữa, Mười Lăm Năm Tiểu Thuyết Miền Nam đó, cùng với những ưu điểm và khuyết điểm hiển nhiên đối với những người đi sau, còn mang giá trị những nỗ lực tranh đấu và vận động cho văn chương VN trên đường tiến triển không ngừng vô hạn. Dù những nỗ lực vận động đó hướng về mặt hình thức, kỹ thuật, ý thức hay tinh thần tác phẩm, những công trình văn học nghệ thuật thực hiện và sáng tạo trong tự do — sự tự do tới thiểu đây những giới hạn không ngớt thúc giục trong tình cảnh khó khăn của một xứ sở nhược tiểu. Văn Chương luôn luôn là



15 NĂM VĂN XUÔI MIỀN NAM (1955 — 1969)

một dự phóng đòi hỏi đi tới mãi mãi, niềm hy vọng cơ bản và cái tạo người, đời sống con người và sự liên lạc hằng cửu ở giữa con người với nhau, nỗ lực vươn dậy phá bỏ những tù ngục thông lệ quen thuộc, những hiện tượng thoát xác và chuyển biến liên tục hèn hạ những khám phá mới — Tất cả cho tác phẩm, hoàn toàn cho tác phẩm, cả bên trong lẫn bên ngoài bao gồm có những tương quan ngoại tại lẫn những tương quan nội tại của một tác phẩm. Từ đó, Tiểu Thuyết miền Nam trong 15 năm qua đã thực sự vượt qua bên kia ranh giới của một thời văn chương đã từng huy hoàng trong quá khứ, thời văn chương gọi là văn chương Tiền Chiến. Chúng ta thực sự bước vào một thời mới của văn chương những năm sau chiến tranh và những năm khởi đầu chiến tranh và những năm chịu đựng chiến tranh. Phải chăng vẫn còn lại ở đâu đó một cách buồn bã ở giữa chúng ta và một cách an ủi tệ hại hơn nữa, ở giữa những trang giấy, một niềm hy vọng tội nghiệp và kinh can nào không?

NHỮNG nhà văn dẫn đạo trong thời kỳ 1955-1963 hầu hết đều như có cùng một mục đích chung khi viết: Viết để trình bày những kinh nghiệm bản thân về một chủ nghĩa chính trị mà họ đã nhất quyết từ khước và từ đó bày tỏ những nỗ lực tìm kiếm và xây dựng một ý thức hệ mới khác

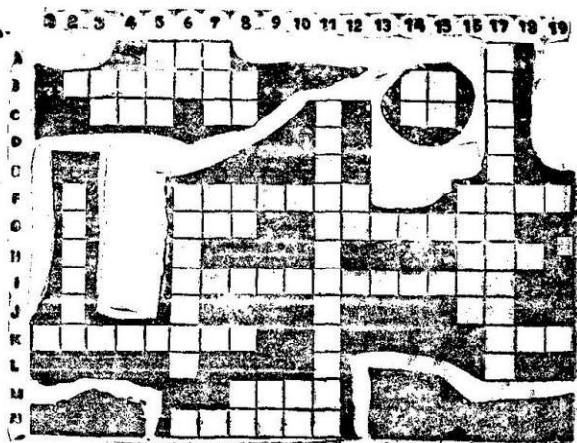
để làm một điểm tựa đưa đến việc xây đắp và củng cố một chủ nghĩa, một chế độ chính trị khác ở bên này vĩ tuyến là miền tự do đã chọn lựa. Nói một cách dễ hiểu hơn, những nhà văn trong thời kỳ kiến tạo khởi đầu này đã viết những tác phẩm chống Cộng một cách có nghệ thuật dù cho những người đó có thuộc về một vài khuynh hướng văn chương khác biệt nhau như Mai Thảo, Vũ Hạnh, Vũ Khắc Khoan, Võ Phiến, Sơn Nam, Dương Nghiễm Mậu. Ý thức chính trị trường thành chín chắn đã được đưa vào tác phẩm một cách thật có nghệ thuật đã tạo nên những rung động sâu xa mãnh liệt nơi người đọc như hình ảnh tang thương tội tã của «Người Đàn Bà Trong Vòng Đai Trùng» của Mai Thảo hay hình ảnh những «Người Tù» trầm lặng cô đơn của Võ Phiến hay như những tiếng gào thét thật căm lặng của muôn vàng nhân vật mất quê hương nơi Thanh Tâm Tuyền: Cũng vì thế, có thể nói đề tài văn chương thời kỳ này không được phong phú lắm vì đa số các tác giả đều không sao thoát ra khỏi được mối ám ảnh nặng nề của cuộc chiến tranh trước đó. Thời kháng chiến chống Pháp, đó là đề tài chính của thời kỳ này. Đề tài đó được diễn tả qua dưới nhiều khía cạnh đặc sắc và đặc thù: không khí một thời chạy loạn liên miên từ vùng này qua vùng khác trong truyện của Võ Hân, những người dân miền Nam nói nói cười cười rất hiền hòa của Ngọc Linh, Lê Xuyên, những chuyện đi công tác thơ mộng ở vùng quê bất gặp thình thoảng nơi Mai Thảo, không khí những chiến khu miền Trung nơi Võ Phiến, người nghệ sĩ cực lực phản kháng bạo lực Cộng Sản của Đoàn Quốc Sỹ và đặc biệt mối tương quan dang dở xa xôi đi đi về về như một cơn bão giữa hai khu vực đối cực là về Thành hay ra Khu nơi những nhân vật trẻ tuổi của Thanh Tâm Tuyền. Và dĩ nhiên như bất cứ trong thời đại nào, trong bất cứ khung cảnh nào ở giữa lòng một kinh nghiệm mạnh bạo tàn nhẫn đó (kinh nghiệm về sự chọn lựa thái độ chính trị) người ta vẫn có thể tìm gặp thấy một kinh nghiệm dịu dàng khác, thứ kinh nghiệm hằng cửu của cuộc phiêu lưu văn chương bất tận như một nỗ lực chạy trốn và tìm gặp lại: kinh nghiệm về tình yêu. Tình yêu trong thời loạn, đó là một tình yêu dang dở nhất đã xảy ra cho nhân loại: nhân vật tiêu thuyết bây giờ đa số là những người không bao giờ tìm thấy sự yên tâm ở bên cạnh tình yêu, đó là những chiến sĩ thật nhiều thất vọng, những người vợ trẻ có một người chồng đã mãi biệt dạng, những người bỏ ra đi lặng lẽ và trở về lặng lẽ như một bóng ma không còn muốn ai truy tìm ra tông tích của mình, những cuộc chia tay đầy rẫy tai ương hay những cuộc tái ngộ kẻ cạnh cái chết. Tình yêu trong cái vẻ siêu hình bằng phẳng và thanh thiện nhất chính là tình yêu để dành cho những nhân vật rất nhiều ly biệt của thời kỳ này. Càng về những năm sau Miền Nam (không khí, mẫu người, ngôn ngữ...) bắt đầu kêu gọi bày tỏ: nếp sinh hoạt điển hình ở miền Nam như một tượng trưng cần thiết cho những người đi xây dựng lại một quê hương mới đã được chọn thành tác

phẩm. Bên cạnh những Hà Nội, Hưng Yên, Hà Đông... thường được triu mến nhắc nhở tới như một vết thương vong quốc, bây giờ là những Thủ Đức, Một, Saigon, Chợ Lớn, Ban Mê Thuột... đã về mới lạ vui tươi. Nỗ lực để xây dựng lại một quê hương trên một nền tảng ý thức hệ tự do, cũng là một niềm an ủi đầy vẻ lạc quan của thế hệ những nhà văn đã từng trải qua và trở về từ một cuộc chiến trong thời kỳ này. Họ đã có đầy đủ kinh nghiệm sống như những chất liệu cần thiết để sáng tác và với một thời gian tương đối yên ổn đủ để biến những kinh nghiệm đó thành tác phẩm, văn chương trong thời kỳ mở đầu này có giá trị như những chứng liệu lịch sử đầy nghệ thuật về những kinh nghiệm máu xương mà dân tộc và tổ quốc chúng ta đã trải qua. Đến đây những kinh nghiệm đó đã qua, nhà văn tạm thời được sống trong một thời kỳ yên ổn để hồi tưởng, suy nghĩ và sáng tác, sau đó đời sống lại trở lại một nhịp mạnh cuồng bạo, những kinh nghiệm đó lại tái sinh và tiếp diễn không ngừng, trong một cường độ khốc liệt hơn hẳn. Và những kinh nghiệm mới đó đòi hỏi một thế hệ những người làm chứng khác, đó là vai trò những người viết văn trẻ tuổi hơn từ sau 1960 hay 1963.

Về thế tài văn chương trong thời kỳ này chiếm đa số và thành công nhất, truyện dài hầu hết thường là tác phẩm của những nhà văn miền Nam thường được viết văn ở đăng trên các nhật báo như Bình Nguyên Lộc, An Khê, Ngọc Linh, Sơn Nam... Thế văn Tây bợ đặc biệt trỗi dậy vượt bậc ở Mai Thảo trong khi văn kịch vẫn còn hiếm hoi, có rất nhiều tác phẩm kịch đã không được chính thức xuất bản. Sài biên khảo thuần túy phát triển mạnh (2) và phải ghi nhận sự xuất hiện của một nhà biên khảo không thuần túy rất độc đáo và đầy trí tuệ là Bùi Giáng.

Như đã nói, chúng tôi chọn những năm 1955-63 sau khi chia cắt đất nước đặt thành một thời kỳ cốt là để tiện việc phân định vị trí và nêu rõ những đặc tính dị biệt của văn chương miền Nam trong 15 năm qua. Điều này chỉ có giá trị trong một bài tổng kết sơ lược tạm thời ở đây khi toàn thể cả thời đại văn học này chính thức chấm dứt, khi thời gian sắp tới cho phép người ta có thể chọn được một thời điểm khác hợp hơn thì sự phân định thời kỳ trên đây chắc chắn cần được xét lại. Vì thế phân chia như trên không có nghĩa là những nhà văn chính trị trong thời kỳ này ở Miền Nam còn hoạt động nữa hay không. Trong thời kỳ kế tiếp. Thực chứng tỏ trái ngược lại. Nhưng có thể nói tuy về còn hoạt động nhưng giá trị và vị trí đứng đầu của lớp nhà văn trên dưới 40 tuổi này phải nằm ở thời kỳ xây dựng đầu tiên cũng như thế nói đi Mai Thảo là nói đến Mai Thảo của Sáng Tạo chứ không ai nói đến Mai Thảo của những năm 66. Giá trị đó mới chính là một giá trị qu trọng bởi vì người ta phải công nhận rằng (xem tiếp trang 12)





Ô CHỮ K.H. 74

CỦA
TRẦN
NH.
HẠNH

NGANG

- A Tên một họa sĩ vẽ trên tạp chí Quân Chúng (viết tắt) — Mẫu tự thứ 16.
- B Nhan truyện dài đầu tiên của Y Uyên — Viết tắt âm chỉ về những người lính viễn chinh — Hát.
- C Âm thanh của tiếng gà gáy — Quốc gia có thủ đô Vienne — Tê — Một quốc gia ở Á châu có diện tích lớn gần như Trung Hoa. — Tiếng reo khi ngạc nhiên.
- D Cục đầu não của MTGPMN bằng một mẫu tự — Nhỏ hơn anh.
- E Mẫu tự đầu — Tê cũng như Tờ.
- F Em — Tên một tạp chí của viện đại học Vạn Hạnh — Âm chỉ "người" trong tiếng Hán Việt.
- G Cây gậy — Tuần báo mà nhóm "Sống" trụ trì — Tác giả "Anna Karenina".
- H Trước K — O — Hình móng ngựa — Nơi dùng để xe đậu.
- I Mẫu tự thứ 12 — Tên một Tổng Trưởng Thông Tin VN bị báo chí chửi dữ nhất.
- J O — Bò con — Anh — Lộc Tục (viết tắt)
- K Một tạp chí văn nghệ trẻ có số "thọ" dài ở Miền Trung — Ca — Cùng nghĩa với vẽ.
- L Anh — Mẫu tự thứ 9 — Sừng
- M Tác giả "La Porte Etroite" (Bài Giảng dịch Khung cửa hẹp)
- N Một nhà thơ và cũng là một kịch tác gia có uy tín lớn tại Đức quốc hiện nay.

DỌC

- 1 Tờ
- 2 Anh — Tên một nhà văn Mỹ bị coi viết rất "đâm dục"
- 3 Tiếng miền Bắc để nói về cây — Hình móng ngựa.
- 4 OU — Vòng tròn
- 5 Trái với thấp — Cờ
- 6 Tiếng dùng để nói về những biên giới (viết tắt) — Tập thơ mới nhất của Vũ Hoàng Chương (viết tắt) — Bò con.
- 7 Một loại cây ép để lấy đường — VO — Vòng tròn — Tiếng reo ngạc nhiên — Mẫu tự sau Q.
- 8 Nhỏ hơn hồ — Con giáp đầu của tứ vi. — Anh — Tê — GE.
- 9 Hình móng ngựa — Tờ — IC.
- 10 Vòng tròn — Hát — Đề hát.
- 11 Tác giả "Triều miên ngâm khúc".
- 12 Đụn đất nhỏ — Tê
- 13 Mẫu tự thứ 9 — Tờ
- 14 Nơi tàu hỏa ngừng lại — Sau R — Hát
- 15 Vấn đề ăn loét — Tê — I.
- 16 Một giải thưởng dành tặng cho mọi bộ môn ở Thụy Điển hàng năm
- 17 Một tác giả dùng thơ chuyên đạt Kinh Kim Cang (tác giả bài Pháp Thân trên KH)
- 18 A — Anh — Vòng tròn
- 19 Lớn hơn em — Mẫu tự đầu

GIẢI ĐÁP Ô CHỮ KỲ TRƯỚC (KH số 73)

NGANG

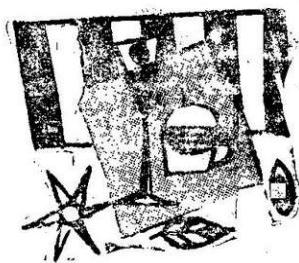
A. Khánh Ly—B. UPI ; N ; QA ; — C. Thiên thai ; P—D. U ; Lu ; I ; Bahai — E. PDC ; O ; Ên ; Nasa — F. Hào ; TN (Thanh Nam) ; Mơ ; T ; M — G. O ; N ; H ; T ; D — H. c ; G ; SALINGER ; U — I. AFP ; Êc ; E ; Y — J. Hát a đào ; Đ—K. Thu ; O — L. Nguyễn Quỳnh — M. GNAIGIUB ; G — N. E ; X — O. NỐ ; Nam — P. N — Q. H.

DỌC

1. Phở ca ; T — 2. Đa ; F ; H — 3. Từ công Phụng — 4. UH ; A ; GN — 5. Pilot ; Sét ; ư — 6. Kiều ; Nhả ca ; YI — 7. H ; N ; L ; Đ ; EG — 8. An tiem ; I ; A ; Niên — 9. N ; H ; NO ; N ; O ; QU ; O — 10. Hoa ; G ; UB — 11. Lai ; N ; E ; Y ; N — 12. Y ; Bất trẻ đồng xanh — 13. AS ; H ; M — 14. Phạm duy — 15. A ; — 16. I

HY VÂN
*
HOÀNG NGỌC LIÊN
*
PHỤ TRÁCH

SINH HOẠT VĂN NGHỆ



CÁC MIỀN

Giới thiệu tờ "SÓNG THẦN", nội san E
chúng Thủy Quân Lục Chiến

Sinh hoạt Văn Nghệ Các Miền tuần này 1
hạnh giới thiệu với quý bạn; tờ nội san của
Đoàn Thủy Quân Lục Chiến.

SÓNG THẦN ngoài bìa ghi phát hi
1-10-1970 nhưng chúng tôi đã nhận được ngay
trung tuần tháng 9 năm 1970. Nhìn qua tờ b
chúng tôi thấy ngay sự cố gắng của những ngu
bạn Văn Nghệ có nhiệm vụ thực hiện Sóng Thi

Tờ Nội San này dày 130 trang khổ 13cmx20
vừa vắn, xinh xắn, hình bìa là một tác phẩm c
Họa sĩ Nguyễn Thanh, in 4 màu rất đẹp và tra
nhã. Ở những trang trong, chúng tôi cũng nh
thấy nỗ lực của những anh em phụ trách tòa so
Anh em đã góp phần tích cực để tờ báo có n
khuôn mặt dễ nhìn, những "cỏ" chữ được chọn l
để đọc không mỏi mắt. Tuy vậy, dù những ngư
bạn văn nghệ có chứng tỏ rằng đã tận tâm và nhữ
việc trình bày, minh họa nhưng chúng tôi cho rằ
Sóng Thần phải cần thêm một ít tranh vẽ nữa x
kẽ vào các trang báo, bởi vẫn còn nhiều trang c
kín đặc. Đề ra một bên nhận xét đó mà kẻ viết b
này tuy viết ra nhưng cũng quá cảm thông rằ
làm một tờ báo 130 trang mà có chừng ấy hình
quả cũng đã nhiều "vất vả".

Bên cạnh việc thay đổi hình thức trình bày
các trang báo, Sóng Thần còn cả 2 tập hình ảnh
sinh hoạt đóng chung vào tờ báo. Những hình ảnh
sinh hoạt này đều được in offset nhiều màu rất đẹp

Trên đây là những cảm nghĩ của người r
trách mục này xin viết ra để gọi là giới thiệu trư
với quý bạn, thêm một cơ quan "sinh hoạt văn
nghệ các miền" ra mắt.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu các phần kh
như thường lệ.

I.— BAN CHỦ BIÊN

Sóng Thần do Trung Tướng Lê Nguyê
Khang, tư lệnh Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến là
chủ nhiệm ; Trung Tá Lê hữu Định làm chủ b
và Phạm văn Bình làm thư ký Tòa soạn.

Sóng Thần đặt tòa soạn tại KBC 3.331.

II.— NỘI DUNG ;

Như phần đông các nội san của các đơn
khác Sóng Thần gồm 3 phần chính.

nhà Xuất Bản KIM VIỆT đã phát hành

DUNG NHAN

thi phẩm thứ ba của PHAN VIỆT THỦY

Bài : HỒ HỮU THỦ ; Phụ bản NGUYỄN

HỮU NHẬT và NGUYỄN KHAI.

PHẠM DUY :

GIỌT LỆ CHO TÌNH TA

gồm 16 tình khúc thời danh, tiêu biểu như :

NƯỚC MẮT MÙA THU — NGHÌN TRÙNG XA CÁCH — GIỌT MƯA TRÊN LÁ — VẦN
THƠ SẦU RỤNG — THIÊN THAI — KIẾP SAU — TÓC MAI SỢI VẦN SỢI LÀI — MÙA
THU PARIS — PHƯỢNG YÊU — THƯƠNG AI NHỚ AI — CÀNH HOA TRẮNG — MÙA
XUÂN YÊU EM — TÂM SỰ GỬI VỀ ĐÀU — ĐÊM XUÂN DẠ KHÚC — CHIỀU VỀ
TRÊN SÔNG — MỘNG DƯ.

MỘT CÔNG TRÌNH MỸ THUẬT

CÁN VỚI GIA HUYỀN

- a) Sinh hoạt.
b) Tìm hiểu.
c) Sáng tác văn nghệ.

Ở phần sinh hoạt có, đầu tiên của tờ báo, là thư ngỏ gửi các chiến hữu của Trung Tướng Lê Nguyên Khang. Sau đó có các bài về sinh hoạt các đơn vị kèm theo rất nhiều hình ảnh như chúng tôi đã trình bày ở trên.

- b) Ở phần tìm hiểu, chúng tôi đọc các bài :

- Có thể đoán trước động đất của K.H.
— Những biến chuyển quan trọng của Người Mũ Xanh.

c) Phần văn nghệ chiếm hầu hết các trang báo Sóng Thần :

- 1.— Các Phóng Sự :

- 60 ngày của TQLC tại Kampuchea của Hoàng đại Long.
— Trận chiến tại Prey-Veng của Hải Âu.
— Một vòng qua các đơn vị của S.T.
— Thần ưng cảm tử của H.D.L.

- 2.— Các Truyện ngắn và Đoàn văn :

— Trên đỉnh mùa Thu của Cao Tổ Mỹ cùng với sáng tác của Áo Tím, Nguyễn thị Chính, Trường Văn, Trang Thủy Châu, Đoàn Thuần v.v...

3.— Các bài Thơ của Phạm Duy Nghĩa, Lê văn Hiến, Hải Linh, Nghi Hạ cùng với một bài bản về Thơ chủ đề của Định Nguyên.

III.— SÁNG TÁC TRÍCH ĐĂNG :

TÌNH LÁ XANH

NGHY HA

Đừng bước vội lên bờ vàng cỏ úa.
Nặng em đi rũ cháy lá xanh cây.
Khô héo quá tóc trâm cài thuở nhỏ
Trong mưa bay rã cánh phượng tình này

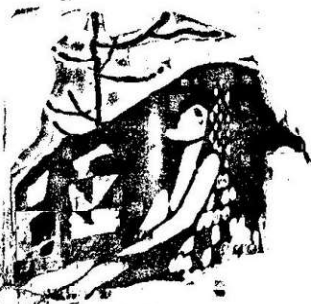
Rồi em về như một loài bướm lạ.
Dung nhan xưa trái ngọt thuở mong tìm
Lòng thức giấc sao rộn ràng hồi hã
Nguồn yêu cao như ngày cũ chưa quen.

Xin dừng lại cho tình đây đôi chút
Gần nhau đi em — đừng ngại chia xa.
Rồi mai kia trên muôn ngàn nẻo lạ.
Em nhớ được gì — những chặng tình qua

Mưa ướt trên đầu nghe giọt buồn xuống lá
Ôi bước chân mềm — ngày lạ bên em.
Buồn mông mênh thuyền xưa bến lạ
Nẻo vắng anh về — muôn tối chênh vênh

Rồi chiều nay trên cơn xa xứ lạ.
Mưa ngàn về rũ rượi cánh chim bay
Em phương đó xin cất dùm bằng giá.
Anh đứng bên trời thương nhớ ai... Δ

LƯU NHƯ THỤY



KHUNG CẢNH NGÀY NÀO

Cho Lâm Hảo Dững

Mùa cỏ xanh đã bước
ở chaudioc bây giờ những xóm nhà hầy
còn trơ cột

tôi dường như đã quên mất vị trí
vết tích những ngôi nhà bạn hữu
Con đường xe lửa — Cầu sắt vẫn còn
hình bóng thời Pháp thuộc
được trao trả cho người Việt
(phần đất bom đạn tự do của miền
tĩnh lễ)

Nên bài thơ này tôi muốn gọi lại
trong trí của Dững
những khung cảnh ngày nào
ghim vào óc anh
hiện nó rung rờ trước mặt

Khi đọc những dòng này
yêu cầu Dững hãy xóa bớt đôi chút hình
ảnh ngày nào
của một thị trấn ven biển
bất luận anh đi đứng hay ăn ngủ
nơi đâu

dù quân trường mệt nhọc
dù trong lúc hăm cò
cùng kẻ đối mặt
dù ở Dakto hay Kontum
Dững cũng nhớ dùm
những ngọn núi Dài, những triền
núi Cẩm
bên sườn Coto
hay thung lũng buồn

đều là những cảm hờn từ miền Nam
sự giải phóng lửa đạn
(sự giải phóng hao mòn dòng máu
Việt Nam)

Dững cũng đừng tưởng tôi viết
về một thành phố anh đã ngu
cho một người mẹ cô đơn ngày đi tan;
một người vợ bơ vơ bên xác chồng
hay những làng thôn rực lửa
nhưng là cho tất cả
mọi điều Dững thấy
mọi điều Dững nghe
như những nụ cười lỗ rung. Δ

HÀ THỰC SINH

KHI NHỚ

Mắt em đây cũng mấy lần như rượu
Môi anh đây rạn rỗ thuở trăng ngàn
Thuở vui ấy làm sao anh biết được
Một mai rồi môi mắt cũng hư không

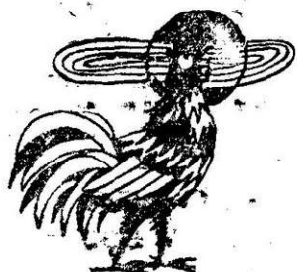
Thời son trẻ xôn xao như tàn nắng
Đã xa dần từ quạnh quẽ đôi tay



Thôi từ đó tâm hồn anh trĩu nặng
Một chia xa đôi trăm vạn tình hoài

Ngày mỗi đến và em thêm mỗi lớn
Mắt thêm to chan chứa nỗi vô tình
Ngồi nán lại một góc đời tuổi nhỏ
Ta tìm em trong kỷ ức rêu xanh... Δ

ĐẶNG TRẦN HUÂN



chuyện cảm đơn bà

HỒNG ĐIỆN

Nhà bà Lê Thủy bị hồng
điện 2 hôm nay. Bà được nhà
máy đèn cho biết sẽ gọi tới
một người thợ đàn ông để sửa
máy. Chờ 3 hôm vẫn không thấy
người thợ đàn ông ấy đến bà

ra nhà giấy thép gửi cho ông
chủ một điện tín như sau :

«Đã 3 hôm nay tôi phải
dùng đèn cây. Hãy gửi cho 1
người đàn ông như đã hứa.

CÁI HỒN

Câu chuyện xảy ra trên một
toa xe lửa trong thời chiến
tranh. Trên toa xe lửa có một
bà già một thiếu nữ xinh đẹp
một quân nhân Đức và một
người Pháp. Đột nhiên người
Pháp nảy một ý tưởng trên
người lính Đức. Vừa vận xe lửa
đi qua một quãng đường hầm
tối om.

Người ta nghe thấy chút
một tiếng hờn và tiếp theo một
cái tát. Mọi chuyện vừa xảy ra
xong, thì xe lửa ra khỏi hầm.

Bà già nghĩ thầm «Hai người
đàn ông kia xấu quá. Họ định
hôn cô gái nhưng cô không chịu
và đã chống lại»

Cô thiếu nữ nghĩ thầm
«Hai người đàn ông kia xấu quá.

Dám hôn cả bà già để bà ấy
tát cho một cái.

Người lính Đức nghĩ thầm
«Thằng Tây thể mà sướng. Nó
hôn cô gái mà mình bị tát oan».

Người Pháp nghĩ thầm
«Mình hôn tay mình rồi mình
lại tát anh lính Đức một chiếc,
thế mà chả ai nói gì mình cả».

CÔ KIỂU MẪU

Họa sĩ Tô Lan, Giám đốc
trường Mỹ thuật X, một lần thuê
một thiếu nữ rất đẹp làm kiểu
mẫu tại Giảng đường của ông.

Nàng khỏa thân trước 25
sinh viên. Theo thường lệ, sinh
viên phải nhắm mắt, dơ
bút chì lên trước mắt lấy kích
thước thiếu nữ rồi mới vẽ.

Khi lớp học tan, thiếu nữ
hốt hải tìm Họa sĩ Giám đốc
trường :

— Thưa ông, học trò của
ông quá tệ. Tôi không thể nào
làm kiểu mẫu tới lần thứ hai.

— Họ đã làm gì xúc phạm
đến cô.

Thiếu nữ trả lời :

— Trong khi vẽ tôi họ đã
dơ tất cả chiều dài bút chì ra
nháy và ra hiệu với tôi... Thưa
ông, giá một hay hai sinh viên
còn được. Chứ đằng này cả
25 người,

CHẾT NGẠT

Trên xe lửa hạng ba, 1
thiếu phụ trẻ và xinh đẹp đang
vạch vù cho con bú. Một thanh
niên ngồi gần liếc thiếu phụ,
hít một hơi thuốc lá rồi thở
khỏi vào mặt đứa bé.

Thiếu phụ ôn tồn nói :

—Thưa ông, ông có thể giết
chết con tôi bằng khói thuốc lá
— Ồ không sao.

— Không sao ? nếu ông cứ
thở vào mặt nó thì nó sẽ bị
chết ngạt ông à !

Người đàn ông nháy mắt.
— Không sao mà. Tôi sẽ
đến đưa khác.

ÂM BẢN THANH TÂM TUYỀN

Văn chương đã chắc đâu mà chỉ thân [*]
NGUYỄN DU

7

10

Tham vọng, tuyệt vọng, hy vọng, điên mê, điên tỉnh...
Còn lại, không còn lại, chút gì, không chút gì... Tôi... ta... ta tôi...
Những chữ nhào lộn trong trò quỷ thuật gọi là văn chương.
Hơn thế: những món vật khôn lường biến hóa trong tay, trong
miệng, trong mắt, trong mũi nhà làm trò có tài trước mắt bầy
con nít say sưa và đám người lớn khoái trá xem trò.

Những chữ và những chữ. Quá thừa thãi. Những chữ không
làm cho ai sống, không làm cho ai chết. Như con chim móc từ
ngực áo đập cánh, như lưỡi dao cạo nhai ngấu nghiến, như cục
lửa nuốt vào thời ra...

8

Ở một tuổi, người ta sống và chết trong vòng vây một vài
tiếng, một vài chữ. Những tiếng âm u thăm thẳm đi suốt từ
quá khứ tới tương lai, nối người này với người kia, nối mình
làm một. Những chữ rộng mở bao khắp một chân trời kêu
người ta bước tới.

Bây giờ chữ nhiều quá, tiếng nhiều quá. Mỗi ngày chữ đẻ
ra chữ, tiếng đẻ ra tiếng. Một chữ, sinh sôi nảy nở con đàn cháu
đống, chi chít. Một tiếng đập vỡ ra vô vàn mảnh càng lúc càng
ly ty tắt lạng. Tiếng chữ bâu bám quanh khắp chốn, nồng nực,
hôi hám, đáng sợ như rươi nhện. (Người ta còn có thể chết
vì những chữ, chết chưa vì bệnh dịch, nhưng chắc chắn không
thể sống nhờ đám rươi xanh hôi thối kia — đám rươi bọ lúc
nhúc trên những thây thối rữa).

Tại sao không im?

9

Không nói gì hết (Lão Tử). Không nói được gì hết? Phải
vậy chăng?

Kẻ trí (l'intellectuel) là hạng người sống đời mình theo ý
trưởng dù là một ý nhỏ mọn (Malraux). Ý nhỏ mọn? Mỗi ý là
một cỗ đại thu về cái rẻ con chẳng chịt. (Bóng dâm mát có thể
che khuất mặt trời — có thể là chốn ẩm ướt, lạnh lẽo, mùn rã)
Ý cũng bị phá vỡ theo tiếng, theo chữ đang bay tung như
bụi cát trong trận nổ bão. Kẻ trí là kẻ vô trí. Trong trận bão
lốc, mọi đường lối đều ngập lặn. Đi trong cơn bão mù điếc
được gọi là đi trên nẻo vô định.

11

Những chữ, những tiếng, những ý...

Người ta muốn vượt ngoài, Người ta muốn nói điều không
thể nói. Điều không thể nghĩ. Đang thời của mặt ngôn. Chữ,
tiếng, ý như con lươn trơn truôi không thể nắm chắc.

Cũng không khác khi người ta quy lập nền tảng, ấn định
hạn giới của các mệnh đề phát biểu. Ngôn ngữ như một hệ
thống tín hiệu. Những biểu tượng như mọi biểu tượng khác.
(Tôi cũng là biểu tượng — Bào ảnh đấy — Tôi đã chết từ khuya
khoát trong mọi tôn giáo — Chết đuối trong chữ, trong tiếng,
trong ý.)

Từ một chỗ, nhắm chặt mắt, — nghe suốt qua trận bão,
trông suốt ngoài trận bão — hay lúc đầu vệt gió bão đảo lang
thang — không khác. Thế thôi. Cát cũng ngậm đầy trong miệng,
bưng kín mắt mũi. Người ta cũng lúng búng trong cơn gió
gào. Tội nghiệp.

Trong trận bão, vẫn có một chốn nín tuyệt không hề biến.
Con mắt bão đỏ anh, Con mắt bão ở đâu? Đông hay Tây?
Nam hay Bắc?

12

Tại sao không im? Tại sao khua động?

Không nói gì hết. Nhưng cũng đã nói rồi. Dù nói chỉ để mở
sự nín thinh. Nói như thừa thãi, bằng sự thừa thãi của hết
thầy. «Khéo dư nước mắt...» hay nước mũi hay gì gì; cũng thế.

Văn chương: những chữ, những tiếng, những ý thừa thừa
vô tích sự. Δ

[*] Có bản chép: TRÍ thân

MAI THẢO 15 NĂM VĂN XUÔI...

tiếp theo trang 9

Ớp nhà văn của những năm năm mươi đó đã
tự tạo được cho mình một ảnh hưởng rộng
lớn và toàn diện nơi những nhà văn đi sau. Ảnh
hưởng đó mỗi người tiếp nhận lại có một cách xử
dụng khác nhau nhưng không ai có thể chối bỏ
những ảnh hưởng đáng quý và can đảm đó, trong
buổi đầu tiên khởi đầu Văn Chương miền Nam sau
chia lắt. Đến thời kỳ sau (1963—1969?), đất nước
lại giao động mạnh lúc đó chính thể hệ những nhà

văn đi sau sẽ có đầy đủ tuổi, trẻ, nhiệt tình và kinh
nghiệm thích ứng để ghi nhận thời đại của mình
vào văn chương. Đó là lý do tại sao chiến tranh
trong tác phẩm Y Uyên gần gũi người đọc bấy giờ
hơn Vũ Hạnh, tại sao sự sôi nổi của Thế Uyên lôi
cuốn bên giọng điệu ôn tồn thâm thi của Võ Phiến,
tại sao không khí chiến tranh thác loạn nơi Cung
Tịch Biền quặn rũ hơn núi rừng chiến khu của
Doãn Quốc Sỹ.... Ngoài ra cũng nên ghi nhận là que
đến thời kỳ sau, nhưng nhà văn trước tuy vẫn còn
hoạt động đều đặn nhưng trong tác phẩm của họ đã
có ít nhiều nét thay đổi: Vũ Khắc Khoan quay hẳn
sang kịch nghệ, Mai Thảo bắt đầu viết truyện dài
một cách đều đặn và có phần hơi dễ thờ hơn, Doãn
Quốc Sỹ để hết tâm trí vào việc hoàn thành một
bộ tiểu thuyết trường thiên, Võ Phiến từ bỏ sở
trường là truyện ngắn để viết truyện dài và «tạp
bút», Vũ Hạnh cũng thôi viết truyện ngắn để muốn
trở về với lĩnh vực phê bình, Phan Du còn viết cả
sách biên khảo, Sơn Nam không còn khai thác tài
kể truyện miền Nam của trong thể truyện ngắn một
cách đều đặn nữa, Nguyễn Sỹ Tế chấm dứt sự
nghiệp truyện ngắn để trở thành một nhà luận
thuyết chính trị và giáo dục... Và còn có một số
rất đông những nhà văn đã gác bút hay ít có hoạt
động văn chương nào đáng kể như Nguyễn thị

Vinh, Linh Bảo, Lưu Nghi, Vinh Lộc, Trang Thế
Hy, Hợp Phố, Trần Thanh Hiệp, Tạ Văn Nho,
Đỗ Tấn... Δ

KỲ SAU: NHÓM «NGƯỜI VIỆT»

- (1) Về vấn đề Biên Khảo, Kịch... Chúng tôi sẽ có dịp
để cập đến kỹ càng hơn trong một loạt bài khác.
- (2) Phần này không được nhấn mạnh trong bài này.

CƠ SỞ ÁN LOẠT

KỶ NGUYÊN

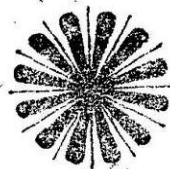
TỪ 1-10-1970, NHÀ IN SẼ ĐỜI VỀ
265/2 PHẠM NGŨ LÃO — Đ.T: 24.954
— SAIGON —

MONG ĐƯỢC TIẾP ĐÓN CÁC KHÁCH HÀNG
QUEN THUỘC VÀ THÂN HỮU
NGUYỄN VƯƠNG

NGÀY 3-10-70
ĐỪNG QUÊN TÌM ĐỌC

ĐỜI NAY

SỐ 1



TUẦN BÁO
CỦA NHỮNG
SINH HOẠT MỚI

DO NHÓM

THỜI NAY
CHỦ TRƯỞNG

<https://tieuhan.hopto.org>

NG. QUỐC TRỤ: "NHỮNG NGÀY Ở SAIGON"

CÁU văn ngắn ngủi của Topffer được tác giả «Những ngày ở Sài Gòn» đặt ở đầu cuốn sách: «Va, petit livre, et choisis ton monde...», như một lời thúc giục, một câu khuyến khích, một dẫn dụ vừa nhẹ nhàng vừa nồng nhiệt. Và tác giả chọn nó như một mệnh lệnh cho mình. Cuốn sách mỏng manh, khoảng 120 trang ruột, tiến tới, từ truyện này sang truyện khác, lựa lấy cho nó một thể giới riêng biệt. Mười truyện ngắn — nếu gọi được như vậy — trải ra một chân trời, vẽ nên những khung cảnh và tạo thành những vóc dáng nhân vật đồng loạt với những lời kể tựa tựa như nhau và không muốn dứt: Những con đã trăng, Chuyện hai thành phố, Những ngày ở Sài Gòn, Lan Hương, Thời gian, Khu rừng trong đêm, Mùa hè miền Nam, Một tuyết, Kiếp khác và Trái tim trong thành phố. Thật ra chỉ có một người kể, một lời kể, một thành phố và một chân trời, hiện ra và đồng vọng qua cùng khắp các truyện ngắn của tập sách bé nhỏ này. Tuấn, hay «anh», «tôi» hay «chàng» chỉ là một người với một tâm tưởng thuần nhất, kể một câu chuyện duy nhất về chỉ một thành phố Hà Nội làm nền cho mọi khung cảnh sống của hắn, làm khởi điểm với một tuổi thơ hằng cửu trong đầu và những biến điệu miên man bất tận của một mối tình (và chỉ một mối tình), tất cả đó chìm trong bầu không khí mơ màng và thăng thốt của kỷ niệm, của hoài tưởng, của mơ ước rạt rào, của đam mê mãi miết. Lời kể của hắn mặc khải toàn thể con người hắn, với mọi kích thước của kinh nghiệm sống mà hắn đã cảm thụ. «Con người», như Faulkner đã viết và hắn đã nhắc lại hơn một lần, «là tổng số những kinh nghiệm về thời tiết», và «còn là tổng số những kinh nghiệm về khổ đau». Con người theo định nghĩa đó ít ra cũng là chính hắn; thời tiết mà hắn đã quen thuộc đến thấm thía, đến say mê, đến nhớ tiếc không nguôi nghĩ, đó là thời tiết của thành phố Hà Nội giữa lòng đất Bắc yêu dấu ngày xưa (thời thơ ấu), mà những nắng mưa gió bão ở Saigon chỉ càng ngày càng gọi lại thêm mãi cho hắn; và khổ đau đã ngấm vào xương thịt, đã được trong tâm hồn hắn, là nỗi khổ đau ray rứt về một người cha mất tích từ mấy chục năm, người em trai mới từ trận, người chị và người em út xa cách muôn trùng, cùng với cuộc tình đã tan vỡ vào một ngày chấm dứt tuổi trẻ. Hắn đang sống, những ngày ở Sài Gòn, những ngày đều đặn, buồn tẻ, trong cái không khí nồng nực oi bức khó chịu, cái không khí không dung được hắn, càng là một dịp để hắn đào thoát khỏi thực tại nhân tiền đề tâm trí lẫn mơ tìm đường về đi vắng, quay lại với kỷ niệm và mơ ước sống thêm lần nữa cái khung cảnh giá lạnh đã tuyệt dạng Hà Nội, Hà Nội như miền trú ẩn hoang đường cho giấc mộng ấu thơ của hắn, Hà Nội đó như ám ảnh thơm hương nuôi dưỡng cuộc tình đã trải qua ở Saigon và đã mất, đã tan, như bầu không khí cũ giờ thực sự tan rã. Những ngày và những ngày, bây giờ?

«Những bữa ăn điểm tâm tại một quán nhỏ trong một ngõ hẻm trên đường đi từ nhà đến sở làm, trong khoảng thời gian ngắn ngủi chờ đợi món ăn (chờ đợi một ngày sắp phải trải qua) chàng đã cố gắng để có thể nghĩ thật nhiều và thật nhiều vấn đề hoặc là chàng đã cố gắng để khỏi phải nghĩ gì cả» (trang 26), trong sự trống rỗng hiện tại hay trong trí tưởng đầy ắp những ý nghĩ ở ngoài cuộc sống đang có, cuộc sống đã được mô tả: «Những buổi trưa say nắng (sự thành phố, sự khó chịu, nóng này của nó...) Chàng ghé một tiệm cơm bình dân, tìm cách lẩn lộn vào đám thực khách ồn ào, rồi sau đó trở lại nơi làm việc và ngủ chập chờn giữa tiếng máy, tiếng quạt chạy và

tiếng im lặng của một buổi trưa vắng người» (trang 26). Thức trong cảnh ồn ào nóng nực và ngủ chập chờn trong cái vắng lặng buồn tẻ. Cuộc sống đó không thể chấp nhận được, cuộc sống của thói quen, «nỗi lo sợ, vắng vẻ và sự mệt mỏi», «những buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều giống nhau ở những nơi chốn như nhau», cuộc sống của một công chức, vì hắn là một chuyên viên kỹ thuật tại một cơ sở Buu Điện trung ương, suốt ngày ngồi giữa một đồng máy móc ù lì tro trên. Sự đào thoát khỏi thực tại đó tạo thành sinh mệnh cho tâm hồn hắn, một tâm hồn lãng mạn — điều mà hắn đã khẳng định và muốn lôi kéo mọi người cùng đứng vào một hàng ngũ với hắn: «Chúng ta, những du khách của trái đất, bước vào đời, hành lý mang theo chỉ là sự lãng mạn» (trang 29), một lời khẳng định và mời gọi cùng một lúc thật thành khẩn, thật tha thiết, chỉ có thể sống với, cho và bằng kỷ niệm cùng mơ ước. Hắn đã từng sống cụ thể trong ẩn dụ của một bài thơ bạn hắn gửi đăng báo, ẩn dụ về «sự nhớ tiếc quá khứ, sự buồn rầu vì thời gian và đời sống xê dịch» (trang 28). Nhớ tiếc quá khứ? Từ truyện đầu đến truyện cuối của tập sách này, tâm tư nhân vật ôm chặt lấy quá khứ trong mọi giây phút sống tha thiết và thành thực. Ngồi ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào,

NGUYỄN NHẬT DUẬT



hắn cũng có thể mơ về quá khứ, theo dòng suy tưởng. Có những đêm «Không định ngủ, cố tỉnh thức, cố gắng lục lọi trí nhớ, trí tưởng tượng, sự sáo quá khứ, thăm dò tiềm thức, loay hoay tìm cách mở đầu trí nhớ» (trang 113), «loay hoay đào xới, tìm tòi trong những hoang tàn, đồ nát (quá khứ, đời sống)» (trang 113). Và mơ về một quá khứ, với hắn, là nhớ đến Hà Nội. Hà Nội, từ ám ảnh về cái chết của đứa cháu gái, từ hình dáng người Tàu già bán lạc rang ở bờ hồ, qua cái bóng của một người gác đêm, đến (và nhất là đến) những buổi sáng mùa đông rét mướt «đứng co ro ở một góc đường, miệng mở tròn, nhìn một cách thích thú làn hơi nóng từ trong người tỏa ra trở thành trắng xóa» hay đến những cảnh tượng của kỷ niệm thăm thương, tế tãi, như những lần lên bà cô đi cine buổi tối, khi trở về nhà muộn, một lần bị mấy đứa trẻ đánh gãy chặn đường cướp hết tiền bạc, một lần bị lính Tây say rượu rượt đuổi, tiếng la hét của gã ngoại nhân phẫn phất một chút gì thể thâm ngậm ngùi, tiếng khặc nước nỏ của một người con gái bán hàng rong bị lính Tây hiếp ở một ngõ hẻm gần nhà» (trang 45). Hà Nội, luôn luôn là Hà Nội của thời thơ ấu đã qua, Hà Nội «thành phố có mưa phùn, có gió bắc, có sự rét mướt, băng giá» (trang 91), Hà Nội đó sống triền miên trong trí nhớ của hắn. «Tôi có nhiều kỷ niệm về cái thành phố nhỏ bé và cũ kỹ đó» (trang 13), có lẽ vì thế. Có lẽ vì thế, từ «Những con đã trăng» đến «Trái tim trong thành phố», nhân vật không ngừng thú thật hắn sống trong ám ảnh mê hoặc của Hà Nội. Người ta lia xa một thành phố như

thế với vết thương không bao giờ lành trong tâm hồn, như những nhân vật của Lawrence Durrell, như những nhân vật của Thanh Tâm Tuyền. Trước khi trốn nhà vào Nam, Nguyễn cuối cùng vẫn trở về Hà Nội, phải trở về đó đã rồi sáng hôm sau mới xuống Hải Phòng để ra đi. Ở Saigon, đôi bạn Nguyễn và Tuấn sống những giờ phút thân mật nhất bên nhau trong niềm hoài tưởng chung hướng về quá khứ Hà Nội: «Cả hai thường thức suốt đêm ôn lại chuyện cũ, cùng hồi tưởng bắt đầu từ đâu, nếu muốn trở về Hà Nội (phải bắt đầu từ lúc nào trên con đường trở về chỉ có ở trong tưởng tượng)» (trang 23) — Chất liệu Hà Nội như dòng nước liên li chảy vào trí tưởng của nhân vật, dù trong phút suy nghĩ nào về điều gì khác — «mùa đông ở xứ xa xôi đó có những gì tương tự với những ngày giá lạnh của miền quê hương cũ» (trang 37), hay «niên học cuối cùng của Lan Hương ở bậc trung học bắt đầu bằng những buổi sáng sớm giá lạnh xé đầy trí nhớ tôi tìm lại Hà Nội, tôi thức giấc sớm, thân thể rét run, bàng hoàng tưởng như đang run rẩy trong một buổi sáng nào đó trong quá khứ, trong Hà Nội, tưởng như chiến tranh đã hết, tưởng như buổi sáng tự trường của Lan Hương chính là của tôi» — Trở về Hà Nội bằng trí tưởng chỉ là trở về với tuổi thơ đã mất — «tuổi thơ của tôi không có gì đáng phàn nàn, Hà Nội, đó là những năm bắt đầu vào bậc trung học, hình bóng một đứa bé vừa đi vừa lom khom cúi nhặt những trái sầu vàng rụng rải rác trên đường từ nhà đến trường» (trang 43). Hắn bị cầm tù trong ám ảnh Hà Nội, hắn bị vây hãm trong tâm cảnh tuổi thơ, hắn không bao giờ thoát khỏi bầu không khí mơ màng về tuổi thơ đó trong Hà Nội đó, dù hắn có xê dịch bao nhiêu lần, dù hắn có đi đến đâu, bởi hắn không thể lọc được khói sương Hà Nội ra khỏi hơi thở của tâm hồn hắn, không thể dãi gạn những hạt mưa những tia nắng ra khỏi máu huyết hắn, bởi «con người là tổng số những kinh nghiệm về thời tiết». Tìm về Hà Nội, tìm về tuổi thơ, tìm về những kinh nghiệm sơ khởi đó, «không phải để thi thắm một mình như lúc đã đứng bóng, nhưng là để kể cho một người khác nghe, để viết trong những lá thư tình đầu tiên trong đời» (trang 128). Người tình đầu tiên là người lắng nghe đầu tiên những lời kể về tuổi thơ và Hà Nội, cuộc tình bị cuốn hút vào trong hay bị vây phủ xung quanh bởi những lời kể đó; người ta có thể «bắt đầu cuộc hành trình ngược trở lại quá khứ cùng lúc với mối tình lớn nhất trong đời» (trang 24), mối tình được nuôi dưỡng bởi tâm hương mơ về quê hương và tuổi thơ. Hồi Mai, em yêu anh? «Mai, Mai đề anh kể cho em nghe về một thành phố mà anh vừa yêu thích thì phải dời bỏ, một quãng đời sống của anh, bây giờ nhớ lại thấy đầu đó trong quá khứ những trái sầu vàng vương vãi, những tiếng lá vàng xào xạc, tiếng còi mười giờ chạy dài dọc theo con phố Tràng Tiền» (trang 46). Yêu nhau là cùng nhau nhớ về một quá khứ? Là dẫn nhau trở lại với thời thơ ấu của nhau giữa lòng thành phố quê hương? Không gian sống và thời gian động của tình yêu nằm gọn trong những kích thước giới hạn của niềm hoài tưởng về quê hương và thời thơ ấu đó. Để rồi; sao nữa? Để rồi, «tuổi trẻ chấm dứt khi chàng nhận ra sự tầm thường, khi lòng tự hào xen lẫn sự kiêu hãnh về mình, về đời chàng, về đời mối tình của chàng, về người yêu của chàng, tan vỡ ra

[*] «Những ngày ở Sài Gòn», tập truyện của Nguyễn Quốc Trụ, Đêm Trắng xuất bản, năm 1970, dày 132 trang, đề giá 140 đồng.

như những chiếc bong bóng xanh xanh đỏ đỏ bằng bọt xà bông... đã đến lúc phải dời khỏi chỗ ẩn náu để đụng đầu với thực tế. Lúc đó nàng nói: «Bây giờ H. hết lãng mạn rồi» (trang 74). Cuộc tình như một ảo tưởng, một giấc mơ tuyệt vời được ươm trong hương thời gian đã mất của ấu thơ và của quê hương cũ như vùng «ân náu» — «miền trú ẩn hoang đường», chữ của một nhà thơ bây giờ — khi tan biến là khi nhân vật phải đối diện với những phũ phàng của đời sống hiện thực. Đó là lúc hai người choáng tỉnh mộng, đó là lúc người con gái bị đánh thức bởi thực tại, đó là lúc nàng «trở nên lạnh lùng và bí ẩn, trở nên đẹp một cách buồn bã, lầm lì, nàng giống như một người định bước vào đời sống bằng một cánh cửa mở xuống khu vườn tình yêu, mơ mộng và lãng mạn, nàng định coi tình yêu như một khi giới, như một áo giáp chở che, chống đỡ lại dẫu về xa lạ, độc ác của đời sống, đột nhiên nàng nhận ra sự vô dụng, sự bất toàn của thứ khi giới mỏng manh và lỗ bịch đó, nàng lùi lại» (trang 78). Kỷ niệm với những hình ảnh thơ mộng hết sức, hấp dẫn khi người ta tình táo đứng vững trong thực tế, tình cảm suột mướt trở thành lỗ lã lơ trơ trên trước ánh sáng của lý trí soi chiếu, người ta thoát khỏi nhà tù của quá khứ — «tôi bảo nàng đi về, tôi bảo tôi đi về. Tôi hiểu rằng tình yêu của tôi đối với nàng đã hết» —, nhưng «phải làm sao chứ... Phải làm sao tiêu diệt được sự khổ sở» (trang 82), người ta bắt đầu mang nơi tâm hồn một vết thương mở hoác. Sự rạn nứt khó hàn gắn giữa ý thức sáng suốt và hạnh phúc mù lòa từ đây chỉ có thể hàn gắn bằng sự bày tỏ của ngôn ngữ văn chương, thứ tiếng nói gồm những âm thanh rời rã được xếp hợp thành từng chuỗi (những câu), thành những toàn thể là lời hui hắt bên lề cuộc sống, vừa có sức mạnh tố cáo vừa có khả năng hòa giải. Tố cáo sự phân ly giữa hạnh phúc tình yêu và ý thức của cá nhân: «Chính vì mù tịt mà người ta có hạnh phúc» (trang 12), «hạnh phúc người ta thường ao ước được mù lòa» (trang 32), bởi «sống hạnh phúc tức

là sống mà không nhìn thấy người khác khổ sở, không nhìn thấy người khác khổ sở về mình» (trang 59), «khi nào chúng ta ra khỏi cơn say?... khi nào chúng ta hết yêu nhau?» (trang 60), cơn say bị quên là cơn say, trong niềm sung sướng, «này sung sướng, thứ sung sướng không cần biết đến sự khổ sở, không cần biết có sự khổ sở ở trên đời, thứ hạnh phúc ngây thơ và vô tội» (trang 87). Nhìn rõ chân tướng của tình yêu và hạnh phúc, ra khỏi cơn say, bằng ý thức sáng suốt khi nhận rõ cái tầm thường và hư ngụy của những ước mơ xa vời; dứt khỏi hạnh phúc và tình yêu rồi, hẳn cơn say đã nhận chìm người ta bao lâu sẽ còn để lại một dư vị đắng cay. Dư vị đó, ngôn ngữ văn chương đủ để diễn tả hết trong những mô tả chua chát, trong những lời tố cáo ném vào thế giới hạnh phúc mù lòa đã sống. Đồng thời ngôn ngữ văn chương hòa giải hạnh phúc mù lòa đó với niềm ước mơ và hoài tưởng của tâm hồn lãng mạn quay về nhớ tiếc quá khứ (tuổi thơ, quê hương). Tất cả đều đòi hỏi sự lên tiếng bày tỏ. Hạnh phúc, tình yêu, tuổi thơ, quê hương, chúng xô đẩy nhau vào vùng bóng tối, chúng muốn tan biến, nhưng tâm hồn náo nao, bàng hoàng trước cuộc chạy trốn ý thức của những sức mạnh tâm tối kia, muốn níu kéo lại, muốn nắm chặt lấy chúng. Tâm hồn lãng mạn xao huyền biến tất cả thành tâm sự, tâm sự miên man, bởi «tâm sự là những giọt nước mát lạnh đổ xuống hoài như không bao giờ hết» (trang 61). Niềm khao khát của tâm hồn là phơi bày được những cảnh tượng lờ mờ ảo xuất hiện, diễn ra và tan dần trong nó: những tâm cảnh. Vì thế, trong toàn thể tập truyện, lời kể cứ muốn tỏ lộ mãi, «tất cả đều lặp lại một cách thâm hại, như Guy de Maupassant đã nói về thực tại. Những kỷ niệm, Hà Nội, tuổi thơ, hạnh phúc, tình yêu, tai họa, văn vần, thầy đều trở đi trở lại từ truyện này qua truyện khác, thầy đều được kêu gọi hoài huy trong tâm tư rồi xuất hiện nơi đầu bút. Nhân vật mong mỏi có người nghe tâm sự — «nếu gặp dịp thuận tiện chắc hẳn Tuấn sẽ thổ lộ cùng bạn» (trang 27) —, «đề làm gì, đề làm «một cái có giải thích tại sao chàng sống», tại sao có văn chương, tại sao có những lời kể lể đó, nghĩa là kể để mà kể, vì nhu cầu nội tại của cuộc hòa giải giữa chữ và nghĩa. Do đó, tâm sự hiện ra bất cứ lúc nào, người kể chuyện chỉ mong được kể ra câu chuyện, «thời đó...» «hội còn nhỏ...», «chàng nhớ ngày xưa...» và những câu chuyện cùng những câu chuyện cứ tuồn chảy ồ ạt từ trong trí tưởng người kể để biến thành những màu đời vụn, những tâm sự vặt, chấp nối với nhau, trộn lẫn vào nhau, khiến cho mỗi truyện đều mang lấy những nét tiêu biểu của lối kể truyện cổ điển bên cạnh những khám phá mới mẻ và bút pháp. Lối kể truyện cổ điển: «Một lần chàng xuất chết đuối chỉ vì tình nết liêu linh: Lần đó, thấy những đứa trẻ lớn tuổi hơn chàng nhảy xuống sông bơi lội một cách tự nhiên, dễ dàng, Nguyễn cho là ai cũng có thể bơi lội được cả, và Nguyễn liền bắt chước đám trẻ leo lên thành cầu nhảy xuống sông. Lẽ tự nhiên là sau một hồi cái đập chân, đập tay, thân thể nặng nề của Nguyễn cứ từ từ lặn xuống dưới sâu. May nhờ một đứa trẻ lớn hơn đứng trên bờ nhảy theo xuống kéo Nguyễn trở lên» (trang 20-21). Có lẽ tâm lý của nhân vật thúc đẩy hẳn kể lể và kể lể thật nhiều nên lời kể dần dần trở thành rườm rà, thừa thãi, như những chú thích không cần thiết trong dấu ngoặc của một bài luận: «Sau đó...», «nhờ đó...», «nhưng rồi...», vân vân. Nhưng bên cạnh đó còn có những khám phá về bút pháp gắn liền với lời kể. Những câu dài (trang 33, 45-46, 89-91, 95-96, 97-98, 101-102, 111-113,...), từ trang nọ sang trang kia, với những dấu phẩy, những dấu chấm phẩy và những dấu đồng chấm được cân nhắc kỹ lưỡng, với những dấu ngoặc đơn và ngoặc kép khi bắt ngờ như một thêm thắt hồi hã cần thiết, khi tự nhiên một cách bất buộc bởi không còn gì thích hợp hơn; tất cả những cách thức chấm câu đó tạo cho dòng văn những

biến đổi được trông đợi (một cách thích thú), hay những chuyển hướng của truyện kể từ thực sang mộng và ngược lại, khiến toàn thể trở nên phức tạp trong một kết cấu mang tính chất của hòa tấu khúc nhiều âm thứ lao xao, uyển chuyển (Đặc biệt hơn cả là những ngoặc đơn được tác giả đưa vào những truyện đăng báo từ hồi năm 1966 — «Lan Hương» và «Khu rừng trong đêm» —, có tính chất mới lạ độc đáo, chúng như sự xâm nhập bất ngờ mở toang cánh cửa câu văn, khuấy động bên trong, rồi khép câu văn lại cho trở về nhịp điệu bình thường, sự xâm nhập này như ý thức soi chiếu vào vô thức, như ánh sáng chớp lòe trong đêm tối). Cách xử dụng một ngôn ngữ vừa lãng mạn vừa tượng trưng trong những câu văn được sắp đặt theo một trật tự đa tầng phức tạp, luôn luôn biến đổi, làm cho lời kể lể về những tâm sự tầm thường vụn vặt nối tiếp nhau không còn buồn tẻ, tất cả trở nên có ý nghĩa và có chỗ đứng (cần thiết) trong những chuỗi hoài niệm nối tiếp nhau. Mỗi lời kể biến thành một viên gạch, mỗi câu văn là một miếng vữa, xếp chồng chất lên nhau, bám vào nhau, đè nặng nên dài trường niệm một cuộc tình đã mất và đã được nuôi nấng trong ám ảnh không nguôi của một quá khứ tuổi thơ giữa lòng quê hương Hà Nội cũ; ám ảnh thơ mộng và hoang toàn nơi một tâm hồn lãng mạn. Nói cách khác, ngôn ngữ văn chương là những bước chân run rẩy ngập ngừng lần theo thời gian đã mất, đi tìm lại tuổi thơ và hạnh phúc xa xưa mà dấu vết còn hằn động nơi tâm hồn kẻ lữ hành, người viết. Giá trị thực sự và giới hạn của tác phẩm chính ở sự khép mình trong những kích thước sống đã chụp bắt được, trong cái thế giới di vãng mà cuốn sách nhỏ đã chọn lấy cho nó.

Điều đáng tiếc, điều duy nhất đáng tiếc là tác giả (và nhân vật với tâm hồn, với đời sống của riêng hẳn) có cái tật lạm dụng ngoại ngữ (nhất là Pháp ngữ), đây rải ở những trang 38, 40, 48, 49, 50, 55, 60, 62, 70, 88, 111, 117, vân vân, tác giả trích những câu văn của Nietzsche, Kierkegaard, Kafka, Joyce, Faulkner,... hết thầy đều bằng (và qua) tiếng Pháp, những câu văn thật sự không khó diễn tả lại bằng tiếng Việt bởi những nhân vật Việt Nam thậm chí có đến một câu nói tầm thường của một nữ nhân vật nói với người yêu cũng phải bằng tiếng Pháp: «Je serai ta femme» (trang 70) ! Cái tật làm dáng đó đã chiếm một chỗ đứng khá vững (!) và khốc hại trong tâm hồn của người viết (và của nhân vật), làm cho mỗi truyện kể đều mất đi một phần cái vẻ thực của nó (dù chỉ là cái vẻ thực trong văn chương và bởi văn chương) cái vẻ thực cần thiết cho tiến triển (chuyển động) tự nhiên của truyện. Tôi có cái cảm tưởng buồn bã là mình đang phải học lấy một cách đọc sách hơi khác thường. Liệu có nên đoạn tuyệt (dứt khoát) với những thói quen như vậy chăng? Δ

BÓNG TỐI ĐI QUA tập 2

tức 1287 ngày trong

Bộ Chỉ huy tối cao MTDTGP

Hội ký VŨ HÙNG — Cài biên KIM NHẬT

đã phát hành trên toàn quốc.

- Ai đọc quyền I nên mua ngay quyền II
- Ai chưa đọc hãy cố gắng tìm may ra còn đủ I và II.
- Ai không đọc sẽ vô cùng thiệt thòi, 100 năm sau còn hối tiếc, đợi mở dây tìm đọc.
- Trí thức, sinh viên, học sinh, quân nhân và những chính trị gia chưa được đọc BÓNG TỐI ĐI QUA, thì đừng nên nói là mình hiểu đời phượng.

Ý THỨC

BẢN NGUYỆT SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

SỐ RA MẮT : 1-10-1970

Với các bài của

Lữ Quỳnh — Trần Hoài Thư — Ngụy Ngữ —
Nguyên Minh — Từ Kế Tường — Châu Văn
Thuận — Muồng Mán — Lê Ký Thương

MỘT CHỖ CHUNG : TỪ CÁI CHẾT CỦA
MỘT Y SĨ — ĐỌC SÁCH : QUÊ NGƯỜI CỦA
DƯƠNG NGHIÊM MẬU — XUÔI GIÒNG :
BEETHOVEN — KỊCH : KÊ PHÁ CẦU
CỦA LỮ KIỀU

THOẠI NGUYÊN-NGUYỄN THỊ THOẠI DUNG

và

NGU I NGUYỄN HỮU NGU

vừa in xong

SUỐI BÙM REO

hay

15 CÂU CHUYỆN PHỤ NỮ

để trả lăm mối Nợ Tình..., từ 27 năm, từ 15 năm về trước, và để gián tiếp trả lời dư luận trong giới Văn nghệ rằng NGU I sĩ nữ sĩ thời danh này, mê nữ sĩ thời danh nọ, đeo nữ sĩ thời danh ấy, bám nữ sĩ thời danh kia... Nhưng người cầm bút cường diên này thật sự SI ai, MÊ ai, ĐEO cái gì, BẮM cái gì?

CÒN Ở LẠI

tiếp theo trang 6

thứ viễn mơ hạng nặng, suốt tuổi nhỏ đi khóc hoa chôn bướm, bây giờ đang góp chuyện một cách sành sỏi về hiện tình chính trị trên thế giới. Và Thu, và tôi, và vợ chồng Trọng. Không còn cảnh đứ đờ nhũn nhũn mảy cau mặt với đời sống đứ đờ khác, mặc dầu mỗi đứ vẫn bình thân miệt mài theo đuôi cái đích riêng từ giữ lấy vóc dáng của mình : Thu đắm chiêu trên những bộ sách toán ; Hoàng cầm cúi với những bộ sách chính trị, kinh tế, binh Pháp Đông Tây ; tôi lật phất lều bều, ôm cả hàng chục thứ sách để ngủ ; Trọng với đồng áo quần, dụng cụ, sách vở về thái cực đạo, mở lớp dạy võ cho học trò ; Nhưng thi thích vẫn chương triết học và trẻ nít, ngày nắng gặp rồi rảnh sẽ mua thức ăn rủ học trò đi picnic, gặp mưa ngồi quán chần rung đùi uống trà ngâm Đường thi, gật gà gật giường với mấy câu thơ của Tuệ Trung Thượng Sĩ. Nếu không có Nhưng chắc quanh năm không có một con nữ sinh nào dám mò đến đây cả. Chúng đến, riu rít cười đùa, lo chuyện ra, báo đồn xuân lâm văn nghệ cuối năm ; rồi ra về, ám thầm để lại vài ba dấu vết dù mát xa xăm mà có lẽ trọn cả cuộc đời. Cho đến ngày già yếu lê thê chúng vẫn không hay biết được,

Và trong số tên, mà tôi với Nhượng nhắc nhở thường ngày không có tên nào là Đồng Lan. Có Lan, Phương Lan, Bích Lan, Ngọc Lan. Mộc Lan, Phong Lan, Hoàng Lan, còn Đồng Lan thì không. Hình như mãi đến hôm nay tôi mới nghe được cái tên này. Đồng Lan, cái tên vắng vất hoài trong trí tưởng từ sáng tôi gì đã mờ hồ thấy quen thuộc, quen và không thể gọi vẽ ra được gì cả.

Đi ghé sát lại cạnh Nhượng, tôi đem chuyện Đông Lan ra hỏi :

— Nó thế nào mà tao không biết à ?

— Con của cha Trung Tá Tê, đến nhà mấy lần rồi mà.

— Không nhớ. Ra sao ?

— Tóc dài, dân Bắc; dễ thương, buồn buồn.

— Mà có chắc thằng Thu...

— Thì làng đảng thể thôi, ai biết.

Đồng Lan : tóc dài như bộn gái Huế, nói giọng Bắc, nước da trắng hồng như hầu hết bộn gái ở cao nguyên, áo len tím nhạt, quần đen, áo trắng dài, hay buồn. Chỉ ngần đó, ngần đó mà thôi.

Ba đưa đi lặng lẽ, thuốc cháy phỉ phèo trên môi, tay trong túi quần. Con đường nhựa ướt sáng, chạy hút về phía trước, những ánh đèn bắt động lạnh căm. Đêm có trăng, mây trắng bọc một vùng giữa nền trời mù mịt.

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC

NHỮNG CHỦ ĐỀ

TRIẾT HIỆN SINH

Nguyên tác của : E. MOUNIER. THU NHÂN
dịch thuật — NHỊ NÙNG xuất bản

— MỘT CUỐN SÁCH VIẾT RÕ RÀNG NHẤT,
CHÍNH XÁC NHẤT, CỒ ĐỘNG NHẤT
VIẾT VỀ TRIẾT HIỆN SINH.

VẠN HẠNH THU' QUÂN

222 TRƯỞNG MINH GIẢNG — SAIGON

— SÁCH VIỆT NGŨ RẺ NHẤT.

— SÁCH NGOẠI QUỐC ĐẦY ĐỦ NHẤT.

— ĐẶC BIỆT NHỮNG TÁC PHẨM CỦA
NIETZSCHE, DOSTOIEVSKY, KIERKEGAARD,

CỬA SẮT khép hờ, Hoàng kéo ra, đi vào; tôi và Nhung vào theo, quay đóng chặt lại. Cả gia đình ông chủ nhà đang vây quanh máy truyền hình. Chương trình ca nhạc, có lẽ thế. Trên mặt kính, một con mẹ ăn mặc dị hợm đang đứng lưng lư dú dòn, hát một bài thương lính : lâu lâu anh về. Ba đứa cười, bỏ đi lên gác. Lại máy truyền hình. Vợ chồng Trọng đang ngồi chung một cái ghế nhưa, có vẻ chăm chú. Bài hát thương lính hết, con mẹ dị hợm đi, lời giới thiệu ngắn, rồi một phông cảnh mới, một thẳng áo quần chừng chặc; tóc tai bóng lưỡng đứng co vai rút cổ, mặt nhẵn lại như khi ăn phải ớt : *này em hỏi con đường em đi đúng hay sai...* Đêm nào gần đó, hết kịch chống Cộng đến tin tức ba xàm, hết tin tức lại cải lương cải cách tạp nham, những mặt mày lem luốc đau mắt. Hoàng trở vào tiếp tục đánh máy. Nhung ngồi nán lại với vợ chồng Trọng. Tôi đi về phòng vận khóa mở cửa, đi vào bật đèn lên. Ánh neon trắng lạnh soi xuống từng bày biện sắp xếp còn nguyên dấu từ đêm qua. Tôi ngồi tựa ghế người ra lưng ghế, góc chân duỗi lên bàn, và không đứng buồn bã lẹ lòng. Nếu đường sá xe cộ bình yên, Thứ bảy giờ đang ở Saigon, Thứ đang đi với đứa em gái con ông cậu, đang lang thang dọc các bờ đường phố chính. Tôi chợt thấy mình trống rỗng, rã rời, không muốn làm và không thể làm bất cứ một cái gì được cả,

Hình như máy truyền hình đã bị tắt, không còn nghe tiếng ca hát lầy nhầy đó nữa, chắc vợ chồng Trọng đã rút vào phòng. Tiếng bàn máy chữ của Hoàng gõ đều đều xa vắng kia, chốc chốc ngừng lại từng quãng ngắn ; và ngoài trời, tiếng mưa đang trở mạnh. Gió lạnh kéo nước mưa từng đợt hắt tạt xuống ngoài khung trong cửa sổ, mất hàng đi, thi thoảng trên mái cao. Một lúc sau, tiếng dép lê lê đi tới, cánh cửa hé ra, Nhượng đi vào, bộ quần áo ướt sũng ngăn ngứn và rộng thùng thình, sợi dây trắng thắt ngang bụng thõng xuống lòng thõng, nụ cười thường trực.

Cũng như tôi, Nhượng kéo ghế ngồi ngửa ra, gác chân lên bàn đem thuốc hút, và khám phá ra một điều mà ngồi cả hồi lâu tôi không để ý tới : Trên trang đầu tiên của tập giấy nháp mới mua, bên cạnh chồng sách, một dòng chữ nguỵ hoặc ngoạc của Thu, có lẽ thư viết trong cơn muốn ngủ hoặc trong lúc quá buồn, một câu thơ của Nguyễn Du chiết rời ra khỏi bộ Đoạn trường tân thanh : *mai sau dù có bao giờ*. Nhượng cầm tờ giấy nhìn, lắc đầu cười lặng lẽ, đứng lên móc đinh vào cái đinh nhỏ trên tường, nhìn thành cửa, ngồi xuống lại. Tôi chăm chăm nhìn dòng chữ, lắng nghe cơn xúc động nhẹ nhàng. Đồng Lan.

— Thật tao không ngờ. Chưa bao giờ buồn thế,

— Thêm một ụng oạng viên nữa rồi.

— Chắc chắn quá

Hai đứa náu vai nhau cười thành tiếng vui trên hai cái ghế chông chênh muốn ngã. Gió từ bên ngoài theo các khe hở từ trên đầu tường tràn xuống, xê tờ giấy qua về lay lật. Tờ giấy động, câu thơ thăng mùa. Một đêm thơ trắng ngời đót nên hát thì thăm đọi sáng mai đi và một câu thơ sâu chữ giữa lời nhẩn nhủ đau đớn của người dự bạc mệnh sắp xa với người em gái ở lại, lạc rời ra khỏi tác phẩm vĩ đại của Nguyễn Du; hiu hiu sa đạu xuống đó như một lời hẹn hò lạnh tanh vô vọng. Sáng sớm mai đi, 5g10 30 xe rời thị trấn, vào đường dài, và một ngày nào trong mai-sau-dù-có ? Chợt tôi thoáng nhận được cái diêm heo hút lạnh cảm trùng vào nhau giữa những sự kiện đó. Anh chàng nhạc sỹ Brahms ôm cây đàn nghiêng cúi xuống trên tập bản thảo với cái bóng người vợ bạn u uất mệnh mông; đại thi hào Nguyễn Du tóc bạc già trước tuổi ngồi đông đưa trên chiếc võng với tiếng hát của nàng Cẩm bắt ngất trên những phé hưng, những cây đa bến cũ; và Thu, đốt nền một đêm

nhau cả vạn kỷ đã xóa mất biên giới thời gian, thăm thăm soi vào nhau, bắt gặp bóng mình, và lặng lẽ trôi tấp vào thiên thu. Sáng mai đi, một thời gian xa sắp tới đã âm thầm mở ra đằng trước. Thư cánh cửa mờ mờ mở ngỏ vào thiên thu đó, cho một đêm ngồi buồn. Và ở đó, trong khoảng khắc của một đêm đó; Thư không còn là ông giáo sư dạy toán, đáng lạnh nhạt bất cần; con bé Đông Lan không còn là con học trò dốt toán con của một Trung tá mã tấu răng đen, mà cả hai cùng trở về đứng lại ở cái điểm đầu tiên : một đôi bạn nhỏ, giữa trần gian, trong một mảng thất lạc và lời hẹn hò rung rung trải ra với cái mặt đất ở nhờ : mai sau dù có...

Tôi thở dài lắm năm nhắc khẽ câu thơ,
nói trống :

— Tội quá.

— Tội ai ?

Ờ, tội ai, tội nghiệp cho ai. Tôi lắc đầu cười. Tội nghiệp cho tôi đang soi mặt mình vào cái đèn ngồi đốt nến của Thư, đang thả đời dạt trôi lênh đênh với lời hẹn hò buồn bã đó. Chắc Nhưng cũng thế, Hân đang bỏ quên điều thuốc đầu bàn tay vắt ngang thành ghế. Và tất cả này, giá mà không có những giấc ngủ ngắt quãng của chị Hương bảy giờ tờ giấy có câu thơ viết nguyệt bạch ngạo đó đang ở đâu, sẽ bị vò nát nên, di thay cho phải lật lay trên tường. Giá mà chị Hương ngủ say, giá mà Trọng vẫn để cho chị Hương ở trong căn nhà khuất bên kia chợ cũ, giá mà... Nhưng tiếp nổi mồm một, cắt khoảng những vùng không gian riêng, sâu thẳm, du trí tường tôi bay vào. Giá mà không có em Đồng Lan,

Tôi đốt thuốc mới, cười thành tiếng nhỏ,
kéo mình về

— Con bé thế nào ?

— Khá đẹp

— Cũ khá đẹp khá dễ thương hoài, mai một cách sao gặp coi thử.

— Không biết nó còn ở đây hay về Nha trang rồi, nó đòi theo cha mà, ông Tê bị đòi.

— À, nhớ rồi, cha Tê bị đòi...

Đông Lan. Trong dự định về chuyện đi sắp tới, tôi có một thời gian ghé lại Nha trang. Mai một tôi một mình quanh quần lang thang trong thị trấn đó, làm sao biết đũa nào tên Đông Lan để nhìn rõ mặt giữa đám gái rải rác dọc đường. Đông Lan thế nào, ra sao ? Khá đẹp. Khá đẹp và những quần đen áo tím sẽ được xếp lại, thay vào những quần phục mới của trường học mới, quần dần tháng ngày trước, thị trấn này sẽ mờ dần trong trí nhớ như một cái chấm vàng ửng xa xôi. Thư sẽ mù khuất theo. Đông Lan đi làm con gái, làm vợ, làm mẹ giữa những bày biện những khí hậu những thân quan khác. Như Đông Lan, Thư sẽ qua thời ở đây, sẽ quên vui. Khoảng đêm đã qua biệt vào thiên thu, có câu thơ buồn rầu và tiếng hát. Một loạt đạn đầu dò nó ròn ở miệng đầu phố. Gió vẫn tung đọt hú dài trong hàng cây ven đường phía dưới kéo mưa hắt đập vào khung kính, lờ mờ qua các khe hở tràn xuống lạnh se. Nhượng kéo cao cổ áo, rừng mình nói khẽ.

— ... Bão rớt... Sao lại có bão vào mùa này à ?

— Ờ, nghe có bão đâu dưới ngã biển mà.

— Thế à ?

Tôi định nói một câu gì đó chọt quên hăng
mắt khi tấm giấy dính trên tường bị gió hắt bay sa
xuống, lật sấp lại giữa bàn, câu thơ bị giấu mất,
màu giấy trắng mỏng. Bão đang lớn ở ngã biển.
Nơi Đồng Lan mới đến. Một căn nhà nào đó lẫn
khuyết giữa thành phố tối tăm sợ hãi, dưới cơn bão
dữ, những cánh cửa khép kín và Đồng Lan đang
ra sao.

Lại những câu hỏi. Đông Lan, tôi không biết gì về em bé đó cả, không thể tưởng tượng gì được về nó cả : Đông Lan : cháu họ nhà nhỏ lá xanh đây, những cánh hoa mới nở nõn trắng, gió bắc thổi hoài, một khuôn mặt trắng hồng với màu giấy sau lưng câu thơ, trắng và lạnh muối giữa mù khơi, tóc dài bay với gió bắc, không mất mũi,



GIỮA tòa soạn VA ban đọc

NG LỘC TỤC.— Nền gửi thêm những bài khác. Đành phải tăng giá báo chứ làm thế nào. Vụ đó quá là không giải quyết được.

LÊ TRỌNG PHÚ (M Tho).— Anh vui lòng gửi cho sáng tác khác.

HÀ LÊ CHU (Cao Lãnh).— Đã nhận được bài anh. Hy vọng đăng sớm. Khi nào về Saigon anh ghé chơi.

PHẠM THANH BÌNH (VT).— Cảm ơn lá thư của anh. Vừa mới cộng tác những nhà văn có uy tín, vừa dành chỗ cho những người trẻ tuổi, đó là một chủ trương của KH.

NGỌC THUY KHANH (4027).— Đã chuyển lời hỏi thăm tới Ng tôn Nhan.

LÝ BÍCH PHƯƠNG (BX).— Muốn có báo CSCH. Nhắc ông Đặng Trần Huân xem. Không có cách gì giúp được. KH ít tặng báo cho ai lắm.

NG CỬU THANH.— Đã nhận được. Thường thường là phải làm lại những cái mới bắt đầu.

PHẠM CAO HOÀNG (T. Hòa).— Đã nhận được. Chúc vui vẻ.

NGUYỄN KHÊ (BĐ).— Đã nhận được hai bài sau về mùa thu của anh. Sẽ làm một số về Mùa thu. Chúc anh vui mạnh. Từ giờ tới Noel tôi sẽ ra Trung.

VÂN UYÊN (ĐL). Cảm ơn bài viết đó của cô. Có dịp sẽ đăng (khi làm số đặc biệt về những người, làm thơ chết trẻ).

PHẠM THANH CHƯƠNG (VT).— Đọc hai lần thư của anh. Hy vọng không đề lâu.

HOA NGHĨA ĐOÀN (Chợ Mới).— Đã chuyển lời hỏi thăm tới. Anh Huỳnh Phan Anh. Hình các nhà Văn nũ đó có in trên KH rồi.

NGÔ CANG (H).— Nếu bài chưa đăng là vì chưa thể đăng, chứ không phải vì KH "không chú ý đến lớp trẻ" như anh viết trong thư. Anh hoàn toàn không hiểu gì về KH khi viết thế.

HN LIÊN VĂN.— Ban làm việc đều đặn quá. Rất mong tận sớm thành công.

PHAN CUNG NGHIỆP (QN).— Thấy hỏi thì phải làm lại chứ. Mới chọn đăng một vì mới đọc 2,3, cái chữ chưa đọc hết.

CHÂU KIM THY (QN).— Tòa soạn KH rất cảm ơn lá thư xây dựng của anh, chúng tôi tăng giá báo từ số này, và vẫn chỉ tăng để làm lấy hòa, không làm lấy lãi.

— Sẽ làm số đặc biệt về những người viết mệnh yếu, khi có đủ bài. Sẽ loan báo sao.

— Chỉ là thêm thất thôi chứ không thay đổi chủ trương. Vấn đề xã hội, dù có đề cập, cũng sẽ do các nhà văn viết (đi vụ bài về Hà Thúc Nhơn như anh DNM viết). Sẽ đăng trước mấy cái tin của anh.

HAT ĐỒ (VT).— Đồng ý, cho thân mật. Tuy nhiên không biết người anh nói (NVNH) là ai.

ĐOÀN HẠNH (SG).— Bài thơ ông rất hay; tuy nhiên ông nên gửi báo Thần Phong, đang viết về người quá cố đó.

THỰC NGÃI.— Nền gửi thêm.

THOẠI NGUYỄN (SG).— Có lẽ có sự lầm lẫn gì đó. Cái trả lời đó cho người khác. Lấy tên thật đi.

THOẠI NGUYỄN (Đà Lạt).— Đường như trên bì thư kỳ trước, anh đề không rõ ràng, nên tòa soạn KH nghĩ là anh nhờ chuyển cho Th. Nguyễn! Và đã chuyển mất rồi. Nếu không đúng, chắc Th. Nguyễn (Sg) sẽ trả lại.

NGUYỄN KHÊ (Q Nh).— Bạn làm, anh miễn cho. Từ sau, anh khỏi gửi báo đảm, thư vẫn đến như thường.

THƯỢNG THUẬT (VT).— Đồng ý. Đang đọc cái truyện ngắn đó. Khi nào tổ chức đọc thơ, vui lòng viết tin cho KH.

CAO NGUYỄN VŨ (Huế).— Mới đăng một bài thơ anh thì phải.

Đầu & số trước, hay trước nữa. Đó là bài trả lời đăng từ lâu mà kẹt lại.

HUỲNH THANH BÀN (CĐ).— Nền gửi thêm. Chưa được. Viết 1 mặt giấy thôi.

NG THỊ TƯỜNG HOA (N. Hòa).— Không gửi được bản thảo đó đâu. Nền gửi thêm.

TỔNG CHÂU AN.— Đợi ở Sg. Xén vì lý do kỹ thuật.

NHÂN TIN

T.— Đã gửi cho anh hôm thứ 4 tuần trước. Gửi bài về cho kịp.

LŨ QUỲNH (QNh).— Nhận được bài anh thì đã qua số đặc biệt, tuy nhiên để đăng vào số Mùa Thu. Khoái cái đoạn văn đó lắm đấy.

LƯU NHŨ THUY (CĐ).— Nhận được cả rồi. Nhớ gửi tiếp tục trò chơi. Cái vụ kia hiện nay không tính được. Phải chờ 1 tờ nhật báo.

TRẦN V. NAM (Sadec) LÊ VĂN NGÂN (NT).— Đã nhận được.

NG. KIM PHƯƠNG — TRẦN HOÀI THƯ — HOÀNG NGỌC TUẤN.— Tôi gửi thư riêng đi rồi, từ thứ tư tuần trước.

BẠN ĐỌC NHÂN TIN

LÊ THỊ TƯ.— Lâu quá không được tin. Thư về cho tôi ở địa chỉ KH. Tôi sẽ đến lấy. Thân (Thục Ngải).



SÁCH B Á O M Ó I

NHỮNG NGÀY Ở SAIGON.

Tập truyện của Nguyễn Quốc Trụ. Đem Trắng xb — dày 140 tr — giá 120đ bìa của Nguyễn Đồng.

Tác phẩm đầu tay của một cây bút quen thuộc gồm 10 truyện ngắn hoàn thành trong vòng 5 năm.

DUNG NHAN.— Tập Thơ Phan Việt Thủy, Kim Việt xb — bìa Hè Hữu Thủ, phụ bản Nguyễn Khai và Nguyễn Hữu Nhật.

Tác phẩm thứ ba của Phan Việt Thủy.

KHÔNG ĐĂNG

Phạm tường B — Vô Danh — Võ Tinh — Vụ Danh — Hồ Hồng Q — Huỳnh ngọc T — Huỳnh Đức U — Lê Hoàng Ph — Hoàng Phương Nh — Ngô v Hg — Ng thi my U — Tê cung Tg — Khánh — Vô thành L — Hoài Nhã LV —

ĐANG ĐỌC

Trần thiên Nga — Vương Tân — Khanh — Mặc Hy — Hoàng Lộc — Duyệt Nhượng — Khế lêm — Phan, Cung Nghiệp — NĐN — Thế Lăng —



TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3581BT/BC NGÀY 26.3.69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON ĐT : 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút

ANH VIỆT

TRẦN VĂN TRỌNG

Phụ Tá Chủ Nhiệm

HỖ VĂN

Thư ký Tòa soạn

VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH THẠCH • HOÀNG NGỌC LIÊN • ĐẶNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN H. THỐNG • DƯƠNG TRỮ LA

VỀ
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỲNH TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHI

Trình bày bìa và ruột

VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu đề tên Chủ Nhiệm • Bài vở đề tên Thư ký Tòa soạn • Giá 20đ. mỗi số • Công số giá gấp đôi. Bài vở gửi cho Khởi Hành xin miễn gửi cho báo khác, và ngược lại • Tòa soạn không trả lại bản thảo đã có lời yêu cầu.

MỖI TUẦN...

tiếp theo trang 4

Trong tám năm nay những người trẻ tuổi—tự nhận là thế hệ mới, thế hệ mai sau—đã làm gì?

Trong tám năm nay những người đàn anh—tự nhận là người đã chiến đấu giải phóng dân tộc đánh Tây, chống Cộng sản, chống độc tài—đã làm gì?

Tất cả chúng ta đã làm gì?

Có phải: chúng ta đã giải phóng dân tộc để dân tộc bị Cộng sản nắm lấy chính quyền mà đời họ, kiếp mình vào một vòng nô lệ mới, để đất nước bị chia hai, để ông Ngô đình Diệm thiết lập chế độ độc tài, để Cộng sản tiếp tục gây chiến, để bây giờ hỗn loạn đe dọa một tương lai chia năm xẻ bảy bắn giết nhau và bước vào một giai đoạn diệt vong?

Sự thật chua chát là đó.

Chúng ta đã làm gì?

Chúng ta đã và đang tự giết mình. Chúng ta ti tiện, nhỏ mọn, thù hằn, phân tán, vì lợi, chia rẽ,

ích kỷ, giả dối, lừa gạt, phỉnh bịp... chúng ta chưa hay không tự tin, tự cường, tự lực, ngay thẳng. Chúng ta chưa dám dẫn mình làm một ngọn đuốc ý thức, làm một ngọn đuốc soi đường dù phải chết... Chúng ta mất sự hào hùng, làm tan loãng những gì mà quá khứ đã để lại.

Thạch ngộ ý muốn bỏ đi. Đi làm gì ở đó? Những người ý thức không chấp nhận Cộng sản, không chấp nhận chế độ ông Diệm đã chọn một thái độ dễ dàng: chọn sự bỏ đi, chạy trốn, thoái thác. Tại sao thế? Có phải sự bất mãn không chấp nhận chỉ là cái cớ, chỉ là nhân hiệu che đậy cho một thực chất khác hẳn: thực chất hèn nhát, thực chất lẩn tránh, lưu vốn có của thanh niên mới lớn lên; và cùng đó có phần nào lý do xã hội: để cho thanh niên không có cơ hội dùng tới sinh lực của họ. Mình đã nói với Thạch những điều đó. Đi. Điều đó không có gì phải nói, nhưng đi với mục đích gì? Tranh đấu cho cái gì? Tranh đấu thế nào? Tôi đâu? Đừng tìm cách che giấu. Thạch đã lộ rõ sự mơ hồ. Mình nói thẳng, muốn tranh đấu phải ở lại đây. Tin mình làm đúng, dám làm và không sợ gì dù chết, nếu không hãy thỏa hiệp đi. Hãy ngay thẳng nhận cái

hèn, nhận cái bình thường để khỏi làm khổ mình khổ người.

Từ 1930 đến nay vẫn là cái dòng lẩn tránh, dòng tư sản, cái dòng của tinh thần Nguyễn Du thời trong tâm khảm, dòng máu, mà những Loan, những Dũng... làm cái lương xã hội, tranh đấu cách mạng của Tự lực Văn đoàn vẫn là tinh thần lẩn tránh đó: người đi ngoài mưa gió trong đầu những cô gái một năm trong nhung lụa, chàng trai lên yên ngựa, đứng trên lưng chừng núi nhớ lại cảnh một khu sân có vườn cây với tà áo lụa phơi trong gió của người yêu... Và cho mãi bây giờ nữa cái dòng lẩn tránh ấy vẫn còn, cho đến bao giờ?

Tại sao người ta phải đi. Quê hương mình đây, thân thuộc mình đây. Đi rồi đi luôn được ư. Mình không thể nào nghĩ được về điều này, tới một nơi xa, người lạ, đời sống khác hẳn như vậy làm sao chịu được. Nghĩ tới một lý do gì đó phải đi, nhưng mình nghĩ đi để rồi về, về với một đời sống khác, phải như thế, nếu không đi để làm gì. Đi để làm gì?

Thạch đã đi. Trường đã đi. Thuận đã đi. Mạnh đã đi. Tất cả những gì chung quanh đã tan. Về đây, một mình thất thế, lạc lõng... Một mình, làm gì được, muốn bỏ đi, muốn...